Quê Mẹ : Câu hỏi 6-10

6. Lê Thị Huệ : Ông nghĩ gì về vai trò Phật Giáo trong cuộc đảo chính 1.11.1963 ?

Võ Văn Ái : Vai trò Phật giáo hướng dẫn con đường dân tộc vượt thoát luồng tư tưởng nhị nguyên Tây phương nổ ra qua cuộc tranh chấp ý thức hệ phân đôi thế giới giữa Cộng sản và Tư bản.

Giới tướng lãnh quân nhân làm cuộc đảo chính 1.11.1963 theo chỉ thị của Hoa Kỳ để thực hiện chính sách Hoa Kỳ tại Việt Nam và Á châu.

Đáng tiếc vai trò Phật giáo tuy thành công trên phương diện tín ngưỡng, nhưng thất bại trên phương diện xã hội. Một phần vì giới trí thức Phật giáo không được chuẩn bị, phần khác lực lượng quần chúng Phật giáo không được tổ chức để đối ứng với tình hình thế sự. Nên đã bị các thế lực chính trị khuynh loát.

7. Lê Thị Huệ : Theo ông thì cuộc tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam còn cần những yếu tố nào để đưa đến thành công ?

Võ Văn Ái : Cần hai yếu tố : Yếu tố Cư sĩ và Yếu tố Quốc tế. Cần liên kết khối Phật giáo tại Á châu và trên thế giới thành lực lượng Hòa bình. Nếu ta mường tượng lại những năm đầu thế kỷ XX và so với ngày nay thì Phật giáo đã phát triển mạnh và phổ biến tại các nước Âu Mỹ như một giải pháp tương lai chận đứng cuộc khủng hoảng tinh thần trầm trọng ngày nay ở phương Tây. Công lao ngài Thái Hư Đại sư, người Trung quốc, mở ra những Hội Học Phật Âu Mỹ đầu thế kỷ XX, rồi tiếp đến ba bộ *Essays in Zen Buddhism / Thiền luận* của ngài Linh Mộc Đại Chuyết (Daisetz Teitaro Suzuki), người Nhật bản, khai thị tri thức Tây phương. Đó là nói phía Á châu. Còn phải kể công đầu của rất nhiều học giả phương Tây ưu tú trong công trình dịch thuật kinh Phật như Edward Conze, Étienne Lamotte, G. Tucci, v.v… So việc dịch thuật và thấm nhuần kinh sách Phật giáo của các học giả Âu Mỹ từ thế kỷ XIX trở đi, học giả người Việt kể cả một số vị Tăng sĩ có học còn ngắn hơi, sơ sài, chẳng thấm vào đâu.

Trên đây là phương diện học thuật, tư tưởng. Nay cần kết tinh qua hành động như một lực lượng Hòa bình thế giới trước nạn độc tài, quân phiệt và khủng bố. **Pháp môn Cư sĩ** của Phật giáo Việt Nam rất có tương lai, trên mặt hành động chính trị, văn hóa, xã hội, tại các quốc gia Âu Mỹ, nếu được giới thiệu và phát huy. Cho tới nay tại phương Tây mới được phổ biến các Pháp môn Thiền và Nhật Liên tông (Sokagakai) đến từ Nhật Bản, và Phật giáo Tây Tạng.

Do giáo luật Phật chế, Tăng sĩ không được làm chính trị, không được tham gia thế sự. Hiện nay một số Tăng sĩ trong Giáo hội Nhà nước tham gia làm đại biểu Quốc hội cộng

sản là đã phạm trọng giới chiếu theo giới luật Phật chế. Vì Tăng sĩ chỉ lo việc truyền pháp và phát triển đời sống tâm linh cho tín đồ. Bởi vậy, đối diện với thế sự chỉ còn giới Cư sĩ là những người tu tại gia, thế học cao, không bị gò bó, không bị ảnh hưởng giới luật cấm tham chính nên có khả năng chuyển vận giáo lý vào đời. Mặt khác, có chung đụng và đối diện với việc đời mới giải quyết cuộc nhân sinh trên bình diện xã hội. Cần nhớ Cư sĩ là trữ lượng cho Tăng sĩ, đồng thời cũng là trữ lượng cho những nhà chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, nhân văn, bác học, khoa học. Cư sĩ là bánh xe chở Đạo, chớ coi thường như một số Tăng sĩ xưa nay khinh thị giới cư sĩ.

Đem những thuyết giáo cao cả trong kinh sách làm "giáo khoa thư" cho những giải pháp xã hội mà không biết khế cơ, khế lý, không có khả năng tham dự, chuyển hoá, lại thiếu kiến thức thì cũng ảo tưởng như chủ thuyết Cộng sản đại đồng trước bao khổ ách, bất công của nhân loại. Trước con bệnh hay người tàn tật, không thể đem giáo lý nhân quả thô sơ, kiếp trước do xấu ác nên kiếp này nhận quả báo ! Trái lại, phải phát triển y học để cứu bệnh, trị tật. Cho nên cần có sự phân công hợp tác giữa Tăng sĩ và Cư sĩ để giải quyết thế sự và nhân sinh. Giới Tăng sĩ ngày nay phải xem đây như *Công án* (4) để phát huy đạo Phật vào thời đại.

Cần phân biệt thấu đáo hai vị trí, là *Tăng sĩ* như một vị thầy dạy đạo, hướng dẫn tâm linh tín đồ, và vị trí *Tăng đoàn* như một trong ba pháp bảo (Tam bảo : Phật, Pháp, Tăng). Người ta hay hiểu lầm và đánh lộn sòng một vị Tăng / *Tăng sĩ* với tập thể Tăng là *Tăng đoàn* tức Tăng bảo trong Tam bảo. Phải có 4 vị tăng trở lên, sống chung trong phép lục hòa, bố tát, yết ma thì mới có thể gọi là Tăng đoàn. Mặt khác, cần hiểu yếu tính của **Tam bảo** như *tự tính bản lai*, chứ không là những ngôi vị cá thể phải tôn thờ như Chúa Ba ngôi mà đông đảo Phật tử ngày nay ngộ nhận. Tam bảo là ba bảo vật của đạo Phật gồm :

- Tự tính bản lai không nhiễm ô, không còn vô minh, gọi là **Phật bảo** ;

- Tự tính bình đẳng, không sai khác nhưng biến hiện ra tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, gọi là **Pháp bảo** ;

- Tự tính có diệu dụng vô lượng vô biên, mang khả lực hằng hà sa công đức, thực hiện vô số Phật sự, gọi là **Tăng bảo**.

Phật tử là người quay về và nương dựa (quy y) vào Tam bảo, tức *tự tính bản lai*. Chữ pháp thế gian và xuất thế gian nói đây không có nghĩa sai lạc như nhiều người lầm tưởng là *nhập thế* (dấn thân vào đời) và *xuất thế* (quay lưng với cuộc đời). Trái lại, *Pháp thế gian* là hiểu rõ nhân quả, nghiệp báo. *Pháp xuất thế gian* là tu đạo giải thoát (từ bi, hỷ xả, cứu chúng sinh, giác ngộ thành Phật).

Xu thế giáo dục Tăng sĩ, từ Ngũ minh (5) cho đến xu thế toàn cầu hiện đại, cũng như

vai trò Tăng sĩ trong cộng đồng Phật giáo và cộng đồng thế giới cần khế hợp, chuyển hóa để thích nghi. Thích nghi mà hoằng đạo, chứ không thích nghi để biến tướng. Quan niệm thiển cận của chư Tăng đối với Cư sĩ lâu nay cũng phải thay đổi.

Năm mười thế kỷ trước do trình độ giáo dục và kiến thức của quần chúng Phật tử còn mông muội, nên Tăng sĩ vừa là thầy dạy đạo, còn là thầy học, thầy thuốc, cố vấn chỉ đạo trên mọi lĩnh vực của đời sống. Ngôi chùa thời Lý Trần là một trung tâm giáo dục, một đại học. Người cư sĩ thuở ấy cần một vị Thầy toàn diện, và thuở xa xưa ấy, ngoài nội điển (kinh sách Phật giáo), trình độ Ngũ minh của Tăng sĩ cũng rất cao. Ngày nay trình độ tiến hóa của khoa học và các bộ môn kiến thức xã hội, nhân văn tiến những bước hài nghìn dặm và thay thế vai trò Tăng sĩ trên các lĩnh vực này. Đời sống văn minh, dân chủ, hệ thống giáo dục, y khoa, ngôn ngữ đem lại những kiến thức rốt ráo cho đa số Cư sĩ. Họ không còn dốt như xưa. Vì vậy sự trông chờ của người cư sĩ ở một Tăng sĩ cũng đã khác lắm. Họ trông chờ ở người Tăng sĩ như một nhà bác học tâm linh, hơn là một ông thầy chỉ giỏi cúng kiến, xem xăm, chấm tử vi, luôn miệng dạy đời. Dân quê nước ta đầu thế kỷ XX tin và chỉ có phương thức chữa bệnh duy nhất là đốt bùa lấy tro hòa nước uống. Nhưng khi y học Pháp đem lại viên thuốc *Quinine*, rồi lâu sau *Penicilline*, thì tín ngưỡng đồng bóng bị đẩy lùi vào bóng tối quá khứ.

Chính trị là một khoa học, chứ không là mưu đồ. Chính trị tại nước ta 64 năm qua (1945-2009) còn quanh quẩn trong những mưu đồ ; chưa được khoa học hóa để phục vụ xã hội con người. Sự vắng mặt của giới Cư sĩ Phật giáo trên ba lĩnh vực chính trị, văn hóa và xã hội là một trong những nguyên do gây pháp nạn cho Phật giáo nói riêng, và quốc nạn cho dân tộc nói chung.

Hiển nhiên người Cư sĩ Phật giáo có mặt khắp nơi, trong các hội đoàn, đảng phái, phía cộng sản cũng như phía quốc gia. Thế nhưng họ có mặt trong vai vế thừa sai. Chứ không ở vị trí chủ động của một nhà văn hóa chống chủ nghĩa ngu dân, một nhà chính trị phát huy chính sách khoan dung và hòa bình.

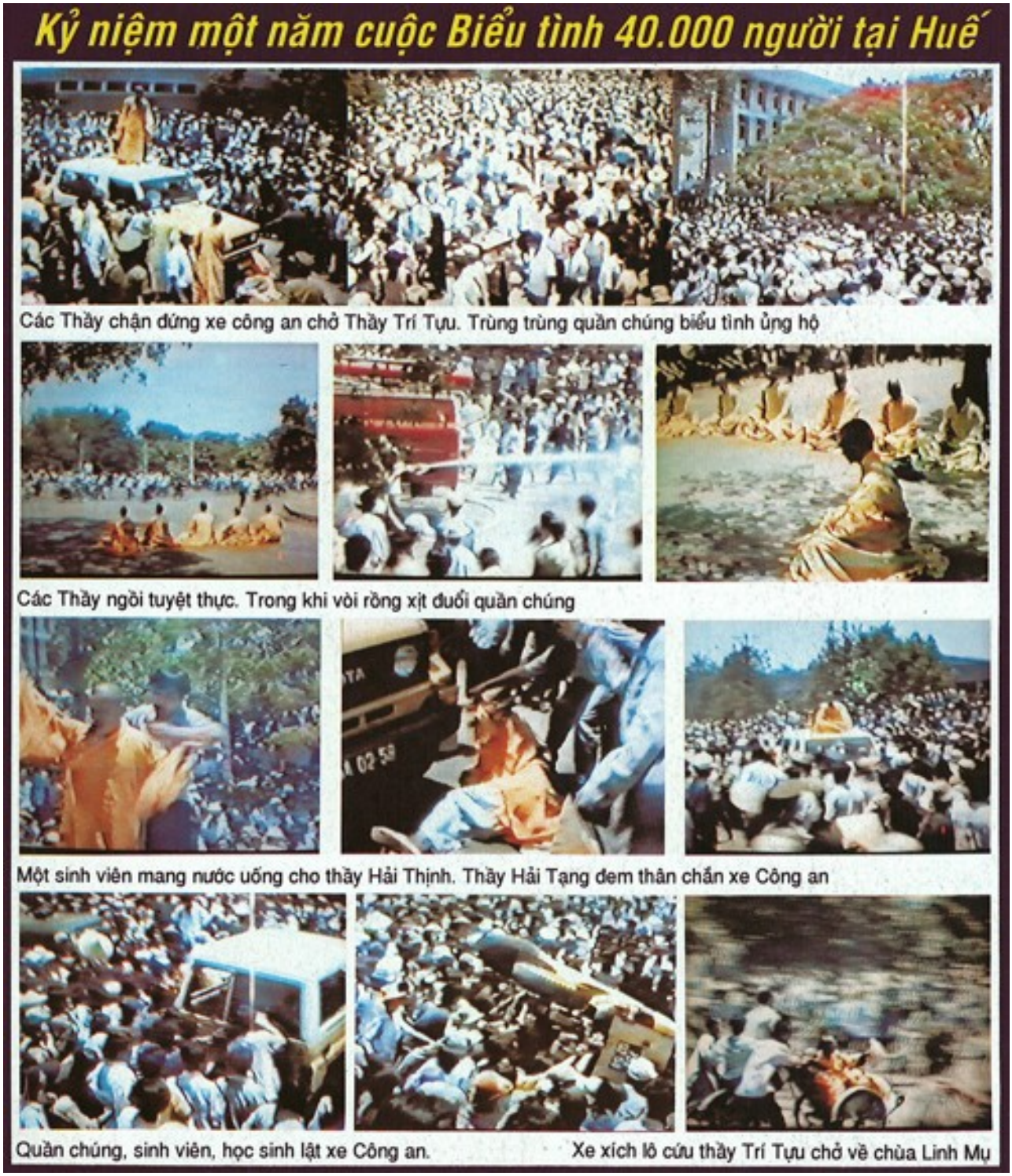

Uỷ ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam thuộc Co sở Quê Mẹ đã vận động thành công du luận quốc tế chận đứng việc Hà Nội lợi dụng tang lễ Đức cố Đệ tam Tăng thống Thích Đôn Hậu biến thành cuộc tuyên truyền cho nhà nước

Cộng sản tại chùa Linh Mụ Huế đầu tháng 5.1992. Một năm sau, ngày 24.5.1993, bốn muoi nghìn (40.000) Phật tử Huế xuống đường biểu tình đoi hỏi tự do tôn giáo và nhân quyền. Cuộc biểu tình cho mục tiêu Nhân quyền lớn nhất chua hề xẩy ra dưới chế độ Cộng sản Việt Nam. Khiến các chiến lược gia quân đội và công an cộng sản phải tổ chức hội nghị về nguy co "Diễn biến hòa bình" tại Hải Phòng ngày 26.6.1993 để đánh giá biến động Huế, dưới sự chủ tọa của các Tướng Đặng Vu Hiệp, Lê Quang Thanh, Viện trưởng Viện Khoa học Công an. Phát biểu tại hội nghị họ đánh giá **"cuộc biểu tình của Phật giáo Huế"** là: **"Tiếng chuông cảnh tỉnh cho tất cả chúng ta về những khả năng thực tế và hữu hiệu mà kẻ thù sử dụng chiến lược Diễn biến hòa bình"**, hoặc: **"Các thế lực thù địch nước ngoài âm thầm khởi động lén lút làm mục nát chế độ và nhà nước từ bên trong, xâm nhập các linh vực kinh tế, chính trị, tu tưởng, văn hóa và xã hội... Xúi giục các thế lực phản động nổi dậy từ bên trong đất nuớc mà không cần xâm lăng chúng ta bằng vu lực hay quân đội"**.

8. Lê Thị Huệ : Ông phát biểu như thế nào về vai trò Phật giáo trong sinh mệnh của Việt Nam ? Phật giáo phải sửa đổi như thế nào để không sống làng nhàng, mà làm cho Việt Nam phát triển lên ?

Võ Văn Ái : Chị dùng chữ "sống làng nhàng" là khoan hồng đấy. Đúng với thực tại phải nói là "sống nhập nhằng"- ba phải. Chẳng những *ba phải* mà *nghìn phải* ! Thử nhìn cách suy nghĩ và hành động ngày nay của một số Tăng sĩ và Phật tử tất rõ tính *ba phải – nghìn phải* vô lối của họ.

Trong hoàn cảnh lịch sử 2000 năm Việt Nam, sinh mệnh Phật giáo và sinh mệnh Việt Nam gắn liền nhau. Ở thời kỳ lập quốc, yếu tố Phật giáo đã hòa hài để hoàn chỉnh nền văn hiến Việt. Hiển nhiên còn hai yếu tố Khổng giáo và Lão giáo. Nhưng Khổng giáo hoạt động ở bộ máy nhà nước, đồng thời đại biểu cho nền văn hóa nô dịch của Bắc phương nên có phần hạn chế trên mặt dân tộc. Lão giáo bị bỏ rơi khía cạnh triết lý hành xử, trở thành nhánh tu tiên, ưu tư thuật trường sinh, cuối cùng trở thành dạng hoạt động bùa phép, phù thủy. Mối ưu tư trường sinh qua việc luyện đan và tu dưỡng của Lão giáo chỉ tích cực ở mặt phát triển hóa học và y học cổ đại tuy còn thô sơ.

Mâu Tử, một nhà Nho người Hoa lánh nạn sang Giao châu vào cuối thế kỷ II Tây lịch rồi quy y theo đạo Phật ở Việt Nam, đã đánh giá đạo Phật trong cuốn *Lý Hoặc Luận* của ông như sau : **"Bản chất đạo Phật là ở nhà có thể đem mà thờ cha mẹ, giúp nước có thể đem mà giáo hóa dân, sống một mình có thể đem mà trị thân".** *Lý Hoặc Luận* là bản luận văn của Mâu Tử đề cao con đường Phật Việt tại Giao châu, và chống lại nền văn hóa nô dịch Bắc phương, nơi ông sinh thành.

Ngoài việc hướng dẫn và phát triển đời sống tâm linh, đạo Phật Việt là tư tưởng chỉ đạo

văn hóa chống các luồng ý thức hệ ngoại lai suy đồi hoặc phi nhân, và chỉ đạo các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, để bảo vệ chủ quyền và văn hóa dân tộc, bảo vệ tự do, no ấm và hạnh phúc cho nhân dân, mà sử sách còn lưu dấu qua tác động của nhiều bộ tướng của Hai Bà Trưng như Bát Nàn Phu nhân, Nữ tướng Tiên La, Sư bà Thiều Hoa… (năm 36 TL.) ; 9 cuộc kháng chiến của Khu Liên, Chu Đạt, Lương Long, Khổng Chi và Trụ thiên tướng quân (suốt thế kỷ II TL.) ; anh em bà Triệu Thị Trinh (năm 248 TL.) ; Lý Nam Đế dựng lên nhà nước độc lập Vạn Xuân (năm 544 TL.), v.v… tạo tiền đề cho sự kiến lập huy hoàng nền móng quốc gia Việt Nam qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê.

Cách *"sống làng nhàng"* làm cho *"Việt Nam không phát triển"* như chị nói không đến riêng từ Phật giáo, mà còn đến từ bộ máy cầm quyền, từ các triều chính theo quan niệm Tống Nho, rồi hai chính quyền đến từ Tây phương, là thực dân Pháp và Cộng sản.

Đồng ý là dù muốn dù không, giới trí thức Cư sĩ Phật giáo cũng phải chịu trách nhiệm trong sự phát triển cách "sống làng nhàng" này. Vì giới Cư sĩ Phật giáo đã không sử dụng tối đa *biệt nghiệp* họ (karma của mỗi cá nhân) để giải vây *cộng nghiệp* quốc gia (karma của tập thể, cộng đồng).

Đây là hậu quả cuộc khủng hoảng văn hóa trầm trọng của Việt Nam từ hơn ba thế kỷ. Nghĩa là từ cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn cho đến cuộc phân tranh Quốc Cộng. Sông Gianh hay sông Bến Hải vẫn là nhát kiếm vô hình cắt đôi tâm thức Việt.

Hệ lụy ngày nay của người Phật tử Việt là đánh mất truyền thống *"tầm sư học đạo"* của hành giả đông phương. Tầm sư học đạo mang ý nghĩa mở mang trí tuệ trong cuộc truy tìm kiến thức và chân lý do tự thân chọn lựa và điều hướng. Người học cần Thầy nên đi tìm thầy giúp họ giải phóng khỏi vô minh, mê vọng. Tìm Thầy nói lên tính cách chủ động chọn lựa có trí tuệ độc lập, đồng thời với ý chí cầu thị. Thầy không ngang tầm với kiến thức, với chân lý, thì hành giả tiếp tục đi tìm thầy khác. Thế là có phê phán và biết đánh giá khách quan, mà mục tiêu nhắm khai mở kiến thức giác ngộ. Nhờ vậy không trở thành cố tín, giáo điều, bè phái, cục bộ. Người sinh viên Âu Mỹ chọn đại học ngày nay vô hình trung thể hiện tinh thần *"tầm sư học đạo"* của phương Đông ? Tôi ít thấy các sinh viên Âu Mỹ bảo vệ đến chết "ông Thầy của mình" hoặc bảo vệ đến phun nước bọt rồi thượng cẳng tay hạ cẳng chân với những ai không quỳ lạy "ông Thầy của mình" như người Việt Nam. Đặc biệt người Phật tử Việt Nam cuồng tín tin theo các vị Thầy của họ nên chẳng cần để ý tới kiến thức hạn chế của Thầy mình.

Ngày nay *"tầm sư học đạo"* sa sút thành *"y sư chối đạo"*. Người ta tin thầy hơn chân lý, hơn đạo. Cho nên gần đây có hiện tượng phân hóa, chia rẽ đến gây thành tranh chấp trong cộng đồng Phật giáo trong, ngoài nước. Ai cũng hiểu là có bàn tay lông lá của Cộng sản áp dụng thủ thuật "chia để trị", lấy "gậy ông đập lưng ông", rõ ra là "dùng Sư đánh Sư, dùng Phật tử nện Phật tử". Kiểu trai cò mổ nhau, ngư ông cộng sản đắc

lợi. Nhưng chuyện đau lòng là các vị Tăng và Phật tử kia không chịu thâm nhập Ba tạng Kinh điển cao siêu, khiến mắc mưu kẻ tà giáo để sống chết bè phái với "ông thầy mình", làm phân hoá nội bộ, thay vì đồng tâm hiển dương con đường cứu khổ của đạo Phật.

Bên trong và phía sau là bàn tay của ngoại đạo xúc xiểm, đâm bị thóc chọc bị gạo. Nhưng hiện tượng nổi, là người Phật tử tranh chấp nhau, không vì phủ nhận giáo lý đạo Phật, phủ nhận đức Thích Ca, mà tranh chấp để bảo vệ "Ông Thầy của mình". Bởi "Thầy của mình" cao cả nhất, vĩ đại nhất, thiền sư nhất, đạo sư nhất. Cái gì cũng "nhất" ! Do "Thầy của mình" là nhất, nên giáo lý cứu khổ của đạo Phật thành thứ yếu, đức Thích Ca đứng xếp hàng sau lưng "Thầy của mình", Ba tạng kinh điển mờ mịt trước xảo ngôn, mị ngữ của "Thầy mình"... Còn quần chúng khổ đau, bị áp bức, đất nước điêu linh, thế giới lâm nạn khủng bố, sinh thái địa cầu bị uy hiếp hay khủng hoảng văn hóa không còn trong tầm nhắm, tầm tiên ưu của người Phật tử. Người Phật tử dẫm đạp, vấy bùn trong chiếc ao nhà chật hẹp, đến quên mất thế giới, nhân sinh, vũ trụ.

Bi kịch của số lớn Tăng sĩ hay Phật tử cơ hội ngày nay là chối bỏ *tự tính bản lai* của Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) để tôn thờ Nhất bảo là "ông Thầy của mình".

Người ta quên chuyện chính yếu để phục vụ cái phụ, cái thứ yếu, cái hạng hai. Dường như đây cũng là quán tính *"nhất"* của dân tộc ta ? Việt Nam là *"nhất"* trên địa cầu, bốn nghìn năm văn hiến Việt lớn lao *"nhất"* cõi nhân loại, người Việt là số Một ! Nhưng khi hành xử thì người Việt khinh thị dân mình, quỵ lụy ông tây bà đầm. Một thứ chủ nghĩa tân-nô-lệ của *"Yes, Sir"*. Đến như cái dốt họ cũng thậm xưng dưới hình thức tự tôn là "dốt nhất" !

Hiện tượng *"y sư chối đạo"* ngày nay của một số Tăng sĩ, Phật tử đang đồng lõa với các thế lực gian manh, gian tà, phá đổ nền Phật giáo dân tộc. Thảm hơn, khi chính những ông "Thầy của họ" lại như như bất động, im lặng dung dưỡng sự thờ lạy ngẫu tượng của đệ tử mình, dù các "ông Thầy này" thuộc lòng và ngày ngày vẫn ung dung thuyết pháp cho đồ chúng kinh bản Kâlâma (6) .

Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam

9. Lê Thị Huệ : Người ta nói 4 dân tộc cùng một nền văn hóa là Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn , thì ba nước kia tiến hết rồi, trừ Việt Nam. Cùng một nét Khổng Học, thì cái gì khác giữa VN với 3 nước kia ? Việt Nam nên rút bài học nào ?

Võ Văn Ái : Phê bình chung về Khổng giáo tại Việt Nam và vài nước Á châu, tôi đã

biểu thị trong sách *"Nguyễn Trãi, Sinh thức và Hành động"* do Nhà xuất bản Quê Mẹ ở Paris ấn hành năm 1981.

Theo tôi nghĩ, Nhật Bản không áp dụng cứng nhắc cái học hủ Nho Chu – Trình thời Tống như Việt Nam, mà dựa vào Khổng học thực dụng của Vương Dương Minh. Hai yếu tố quan trọng làm cho nước Nhật tân tiến nhất Á châu và đứng ngang hàng Tây phương ngày nay. Một là yếu tố Phật giáo, hai là sự sáng suốt cầu học của giới sĩ phu, đại biểu là Minh Trị Thiên hoàng. Ông dám thoát ly tư tưởng "ao nhà" so với chính sách đà điểu, bế môn tỏa cảng của các ông vua Tàu và Tự Đức cùng thời.

Ta biết đạo Phật truyền vào Nhật thế kỷ VI Tây lịch, thấm nhuần vào một Phật tử kỳ vĩ là Thái tử Thánh Đức (Shotoku). Thái tử khai mở một Hiến chương chính trị đầu tiên tại Châu Á gồm 17 điểm dựng trên chữ Hòa của Phật giáo. Tương tự như sau này các vua thời Lý - Trần thực hiện chữ Hòa vào chính trị, tạo ra một quốc gia văn hiến, phồn thịnh, nhân dân hạnh phúc. Biểu lộ đặc thù ngay trong lĩnh vực hình sự : thường xuyên bỏ án tử hình và xá tội.

Trung quốc tuy theo Cộng sản như Hà Nội, nhưng từ thập niên 70, do bản chất thực dụng cố hữu của người Tàu nên sớm biết phải bắt tay với "Con Cọp Giấy" Hoa Kỳ mà Mao Trạch Đông phỉ nhổ trước đó, rồi chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Không như Việt Nam "Chống Mỹ mút mùa" nay lại đổi sang lạy lục cúc bái Mỹ một cách trễ tràng, thiếu thông minh. Nhất là không biết kết liên các thành phần dân tộc làm lá chắn chiến lược tại Đông Nam Á và hội nhập vào công cuộc phát triển toàn cầu.

Sau ngày Saigon thất thủ, năm 1977 và 1978 Hoa Kỳ muốn bình thường hóa quan hệ không điều kiện với Hà Nội. Nhưng người Cộng sản kiêu binh đã khước từ theo chủ trương "có ba trăm lạng việc này mới xong", ý ra điều kiện muốn thương thảo thì Hoa Kỳ phải trả 7 tỷ Mỹ kim tái thiết Bắc Việt như Tổng thống Nixon đã hứa trong thời gian hòa hội Paris. Cái ngu về xử thế chính trị và dốt nát về kiến thức thế giới của giới lãnh đạo ở Hà Nội khiến Hoa Kỳ bỏ rơi (7). Sau này lạy lục cúc bái bao năm mới thiết lập được quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ năm 1995. Việt Nam mất cơ hội kiến thiết 19 năm ! Đến nỗi những năm 80, Nguyễn Khắc Viện la trời *"có nguy cơ mất nước"*.

Đa số thành phần lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam thất học, dù chưa phải lỗi họ. Dưới thời Pháp thuộc, vì lòng yêu nước họ tham gia đấu tranh rất sớm khi mới qua ngưỡng cửa tiểu học hay trung học, rồi bị bắt vào tù. Kiến thức học đường ngừng lại từ đó, không phát triển thêm. Ý chí đấu tranh cao, lòng căm thù lớn, nhưng kiến thức nông cạn, khiếm khuyết. Kịp đến khi đảm đương việc nước năm 1945, sở học khiếm khuyết chẳng khác chi anh chột trong đám người mù. Quá tự đắc nên không biết nguyên tắc cầu người hiền, cầu người tài của những ông vua thời trước để xây dựng bộ máy nhà nước theo tác phong *"trắc tịch cầu hiền"*. Vua chỉ ngồi nửa ghế (trắc tịch), nửa ghế kia dành chờ người tài đến ngồi. Ngày nay dưới chế độ Xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo Cộng

sản chẳng những giành trọn ghế mà còn giành hết các dãy ghế trong rạp hát chính trị. Là người học trò ngoan ngoãn của Trung Cộng, nhưng các điều hay bên Trung quốc lại không biết, không học. Thử nhìn vào chính sách kinh tế và đối ngoại của Bắc Kinh hiện nay thì rõ.

Chị ở Hoa Kỳ ắt biết thế giới thầm lặng nhưng chỉ đạo của giới trí thức và chuyên viên tư vấn thông qua hệ thống đại học và các Sáng hội *think-tank* quan trọng chừng nào. Chính họ hoạch định chính sách của chính phủ Hoa Kỳ trong hai vấn đề nội chính và đối ngoại, chứ không riêng Tổng thống và các bộ trưởng. Số lượng chuyên viên tư vấn ở Hoa Kỳ có khoảng mười nghìn người. Tại Anh chỉ là số trăm, còn toàn Châu Âu là số ngàn. Trong khi ấy Trung quốc lên tới số trăm nghìn. Không phải Bộ Chính trị hay chính phủ ông Hồ Cẩm Đào hoạch định chính sách bành trướng của Trung quốc đâu, mà là một tập thể mênh mông những trí thức và chuyên viên tư vấn hoạch định. Viện Khoa học Xã hội Trung quốc ở Bắc kinh bao gồm 50 trung tâm nghiên cứu quốc sách với 260 bộ môn do 4000 nhà nghiên cứu điều hành, mà Trung quốc có hàng chục viện như thế.

Khác với các thể chế dân chủ y cứ vào trưng cầu dân ý hoặc sự góp ý của toàn dân theo chủ nghĩa dân túy. Trái lại, chủ trương độc tài đảng trị của Trung quốc đang dựa vào yếu tố trung tâm của sự hoạch định chính sách thông qua khảo cứu ở cấp chuyên viên tư vấn. Tôi gọi đây là hiện tượng Gia Cát Lượng hiện đại. Đọc Tam quốc chí ta biết Lưu Bị muốn dấy nghiệp lớn đã phải kiên nhẫn, khiêm cung tam cố thảo lư, ba lần chờ chực gặp xin Gia Cát Lượng làm quân sư. Hiện tượng Gia Cát Lượng ngày nay là hàng trăm nghìn chuyên viên tư vấn đang giải quyết tại Trung quốc sự dằn co giữa Chủ nghĩa Xã hội lỗi thời, sai lạc, với chủ nghĩa Tư bản rừng rú. Để làm chi ? - Để xây dựng một trật tự thế giới theo mô hình Trung quốc nhằm đánh đổ Hoa Kỳ, tức giấc mộng Đại Hán xưa cũ. Chúng ta sẽ chứng kiến việc này chừng 20 năm tới. Trong khi ấy Việt Nam không hề có viễn kiến thế giới. Tệ hơn, không đào tạo nổi giới trí thức và chuyên gia tư vấn trong nước, lại còn xài xạc, tự thị với khoảng nửa triệu chất xám Việt Nam ở hải ngoại.

Năm 1988 tôi được Bắc Kinh mời tham quan Trung quốc hai tuần lễ. Thực ra thì họ mời tôi từ năm 1982, nhưng vì băn khoăn, do dự nên không đáp nhận. Mãi tới 1988 sau khi tham khảo một số nhân sĩ trong nước, ngoài nước và được sự đồng tình tôi mới nhận lời đi. Thời điểm ấy “tình môi hở răng lạnh” Trung Việt suy sụp xiểng liểng thành tranh chấp như sừng với đuôi. Hà Nội chửi bới chủ nghĩa bành trướng Đại Hán qua hằng loạt sách tố cáo chuyện cổ kim, hệt như ngày nay họ đang chửi rủa thế “lực phản động” người Việt nước ngoài, mà tôi là một tên “đầu sỏ”. Còn phía Trung quốc thì tiếp cận giới chống Cộng tại ba nước Đông Dương cũ theo chủ trương “kẻ thù của kẻ thù là bạn”. Thời gian thăm viếng có tính cách tuyên truyền phô trương một Trung quốc đang trên đà cải tiến.

Qua Trung quốc tôi lấy làm lạ đi đến đâu, gặp ai, họ đều mời xem bữa ăn của gia đình,

chỉ vào nồi cơm và mấy đĩa thịt cá. Ở Nam Ninh, mấy giáo sư dẫn tôi qua cầu chỉ xuống dòng nước nói rằng thời Cách mạng văn hóa nhiều giáo sư, sinh viên đã bị vứt xuống đây. Họ cũng bảo thuở ấy đói lắm, chỉ ăn cháo qua ngày, họa hoằn một hai lần trong tháng mới ăn cơm. Không thịt. Rồi than rằng *"thế mà thời ấy Trung quốc viện trợ gạo cho Việt Nam đánh giặc đấy. Ai ngờ ngày nay..."*

Thăm thành phố Nam Ninh dựng từ thời Bắc Tống tôi động lòng nhớ các dãy phố Hà Nội và nghĩ rằng Lý Thường Kiệt đã đến đây viết văn "lộ bố" ở Châu Khâm, Châu Ung. Tôi xin đi thăm mộ cụ Nguyễn Thiện Thuật, một trong hai mươi chủ tướng phong trào Cần Vương thuộc cánh quân Bãi Sậy. Việc khó khăn, vì tài liệu của sử gia Trần Huy Liệu viết sai địa điểm ở phía Tây. Tốn công mới tìm ra mộ nằm ở phía Đông bắc thành phố nhờ một giáo sư ở Viện Dân tộc học Quảng Tây. Lạ thật, Nam Ninh là hậu cứ của ông Hồ và cán bộ cao cấp Hà Nội nườm nượp sang bồi dưỡng. Thế mà chả ai ngó ngàng ngôi mộ vị anh hùng. Kiếm chẳng đâu ra một thẻ hương, tôi phủ phục trên đất lạy cụ ba lạy trước sự ngạc nhiên của các cán bộ hướng dẫn. Về Paris viết trên tạp chí Quê Mẹ tôi ngậm ngùi tả cảnh tiêu điều của ngôi mộ trên sườn đồi nằm chung với mươi ngôi mả đẹt. May còn bia đá khắc dòng chữ "Việt Nam Cách mạng cố Tướng quân Nguyễn Công Thiện Thuật chi mộ". Rồi nêu câu hỏi các nhà lãnh đạo Hà Nội làm cách mạng cho ai ? Vài tháng sau tôi nghe tin ông Hoàng Văn Hoan viết thư xin Trung quốc xây lại mộ cho cụ.

Mộ cụ Nguyễn Thiện Thuật tại Nam Ninh, một trong 20 chủ tướng thuộc Phong trào Cần Vuong, xem thêm loạt bài viết về chuyến viếng thăm Trung quốc *"Đa tới Trường thành"* của Thi Vu trên tạp chí Quê Mẹ hoặc trên Trang nhà Gio-O.com

Nhờ chuyến đi tôi có dịp tọa đàm với giới nghiên cứu, giáo sư ở Viện nghiên cứu Đông Dương đại học Nam Ninh, đại học Quảng Châu và đại học Thanh Hoa ở Bắc Kinh. Tôi có phần ngạc nhiên khi thấy tạp chí Quê Mẹ tại các thư viện Đại học nằm bên cạnh sách báo của Hà Nội. Qua các cuộc trao đổi với một số giáo sư, sinh viên, tôi cảm nhận không khí bùng nổ tất yếu khó tránh khỏi, mà chúng ta chứng kiến sự biến Thiên An Môn vào tháng sáu 1989. Chuyến đi này cho tôi thấy sự động não của giới trí thức Tàu như một đối lực trước chủ trương co kín của đảng Cộng sản, mà sau này theo dõi tôi phát hiện bước tiến theo như trình bày lúc nãy. Những đặc khu kinh tế mà tôi chứng kiến hay thăm dò trong chuyến đi cho thấy tính thực dụng của người Tàu trong việc tiếp cận nền kinh tế thị trường. Khác với kiểu kinh tế nhập nhằng "định hướng XHCN" của Hà Nội.

Kể từ năm 2007 ta thấy rõ Trung quốc đang xuất cảng mô thức Đặc khu kinh tế sang Phi châu. Họ đã hay đang thực hiện tại Zambia, Mauritania và Tanzania. Một số nước

Nam Mỹ cũng đang học đòi mô thức phát triển Trung quốc. Theo Ngân hàng Thế giới (WB) thì đang có 3000 dự án Trung quốc phát triển tại 120 quốc gia. Chưa ai quên giai thoại Qũy Tiền tệ Quốc tế (IMF) thương thuyết nhiều năm với chính quyền Angola về một hiệp ước chống tham nhũng thì mới chịu cho vay lãi nhẹ. Thế nhưng vài giờ trước khi ký kết (năm 2004) Angola tuyên bố chẳng cần tiền của Qũy Tiền tệ Quốc tế nữa, vì Trung quốc vừa cho vay 2 tỉ Mỹ kim với chế độ ưu đãi.

Tư tưởng *quyền lực nhuyễn* hay *quyền lực nhu* (soft power) thường được dịch *quyền lực mềm* là phát kiến của nhà khoa học chính trị Mỹ Joseph Nye năm 1990, đang được Bắc kinh áp dụng triệt để hơn tại các nước Âu Mỹ.

Thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng cần cảnh giác cao độ trước chiến lược *quyền lực nhuyễn / quyền lực nhu* của Trung quốc. Đây là hình thức xâm lăng kiểu mới dựa trên sự phát triển văn hóa Tàu, trao đổi hàng hóa, kinh tế, và cuộc di dân khổng lồ thông qua sự khai thác hầm mỏ, khai phá nông trường, đập nước, xây dựng phố xá thương mại. Cuộc di dân tiêu biểu thành hiểm họa đáng cho ta thức tỉnh là cuộc di dân người Hán vào Tây Tạng. Gần đây cuộc di dân hàng chục nghìn công nhân vào khai thác Bauxit Tây nguyên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Quảng ngãi, Cà Mau… Riêng tại Phi châu thì công nghệ Trung quốc giúp tăng gia sản xuất đã nhập cảnh nửa triệu công nhân Trung quốc và khoảng ba trăm nghìn tại Nam Mỹ.

Không còn là chuyện Mã Viện, Thoát Hoan, Liễu Thăng, Tôn Sĩ Nghị… dùng quân sự của *quyền lực cương / quyền lực cứng* xâm lược nước ta hay thế giới đâu. Mà là *quyền lực nhu* (soft power) thông qua văn hóa và những cuộc di dân thợ thuyền khổng lồ. Lại còn sự kiện giới trí thức Tàu kể cả những người bảo thủ trong đảng Cộng sản đang quy mô nghiên cứu lại tư tưởng cổ đại Trung quốc.

Khắp nơi, Trung quốc đang rao hàng “chính sách hòa bình” của họ, và đã thiết lập Tổ chức “Hợp tác Thượng Hải” nhằm đánh bật Hoa Kỳ ra khỏi các cộng đồng Châu Á. Ảnh hưởng Trung quốc ngay tại LHQ không phải nhỏ, mà chúng ta thấy rõ sau cuộc chiến Iraq, qua việc xúi giục các nước Phi châu cản ngăn Nhật bản vào ngồi ghế Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo An, hay đẩy các quốc gia Hồi giáo làm suy yếu và biến tướng vai trò nhân quyền thực hữu của Hội đồng Nhân quyền LHQ thay thế Ủy hội Nhân quyền LHQ trước kia. Tất cả đó nhằm suy yếu ảnh hưởng Hoa Kỳ tại diễn đàn quốc tế này. Tại Đại hội đồng LHQ phiếu bầu cho Hoa Kỳ tụt từ 50,6% năm 1995 xuống 23,6% năm 2006. Về nhân quyền tại LHQ, Trung quốc tăng vọt từ 43% lên 82%, trong khi Hoa Kỳ từ 53% tụt xuống 22% !

Hẳn nhiên chế độ độc tôn độc đảng tại Trung quốc chóng chầy sẽ sụp đổ. Nhưng hiện tại Bắc Kinh vận dụng tất cả mọi phương tiện tinh vi cổ kim để kéo dài mạng sống và chận đứng sự nổi loạn của quần chúng.

Đem chủ nghĩa Duy vật vô thần và phi tôn giáo xích hóa nước Tàu từ năm 1949, nhưng nay tiên kiến bước đi của lịch sử cùng tiềm năng châu Á, nên ngày 16.4.2006 Bắc kinh tổ chức "Đại hội Phật giáo Thế giới" mời 36 nước đến tham dự.

Từ thập niên 90, Trung quốc đã có trào lưu phục hồi Nho giáo do giới học giả nghiên cứu Quốc học đề xướng. Rút bài học Cộng sản quốc tế sụp đổ thập niên 90, mẫu quốc Liên xô tan vỡ, khoảng trống ý thức hằn sâu tại các quốc gia theo Cộng gây thành cuộc khủng hoảng ý thức hệ không tiền khoáng hậu. Một số học giới Trung quốc nhận định không thể phủ nhận nội dung chính của hiện đại hóa và toàn cầu hóa đang do văn minh phương Tây lãnh đạo. Với tâm thức nước lớn, Trung quốc tự biết ý thức hệ Mác – Lê – Mao lỗi thời. Họ quay về cầu cứu Quốc học, đem ông Khổng Tử ra chào hàng. Hiện đang có trào lưu đòi đem Tứ thư, Ngũ kinh vào dạy ở các bậc tiểu học và trung học tại Hoa lục. Đối ngoại thì Bắc Kinh đã bỏ hàng tỉ bạc mở trên 200 Học viện Khổng Tử trên khắp thế giới dạy chữ Hán và văn hóa cổ Trung quốc cho người nước ngoài. Riêng tại Hoa Kỳ đã có 40 Học viện Khổng tử.

Minh thị cho trào lưu này là hiện tượng Vu Đan xẩy ra hồi tháng 10.2006. Bà Vu Đan, 41 tuổi, giáo sư Triết tại Đại học Sư phạm Bắc kinh lên Đài Truyền hình Trung ương thuyết giảng 7 buổi về đề tài *"Thu hoạch đọc sách Luận Ngữ"* thu hút hàng triệu người nghe nhìn. Sau in thành sách đợt đầu bán một triệu cuốn, vài tháng sau tái bản bán 3 triệu cuốn. Một kỷ lục trong ngành xuất bản sách, lại là cổ thư bị Mao đốt bỏ mấy mươi năm trước.

Trong khi ấy phục hồi quốc học ở Việt Nam là gì ? – Đưa một tay hành động như ông Hồ Chí Minh lên thành nhà "tư tưởng" (sic), cho ra vài cuốn viết về Khổng học sơ sài, không phát kiến. Còn Phật giáo là nền tảng từ cổ đại, trung đại đến hiện đại trên mặt tư tưởng và hành động thì bị đàn áp không nương tay. Ngoại trừ thứ Phật giáo công cụ do đảng nặn ra làm bình phong. Còn lại chỉ thấy toàn những nghìn lượt lễ hội đánh trống khua chuông, ăn mặt áo mão cải lương, hát bộ, nói là của thời "Hùng vương", "Nguyễn Huệ" cốt thu hút khách du lịch làm tiền ! Đua đòi cái mã lòe loẹt bên ngoài nhưng nội dung và thực chất vắng bóng. Mới đây, tôi đọc trên Gió O bài trả lời của nhà văn Cộng sản Nguyên Ngọc công tâm nói về văn hóa Việt. Tôi xin trích vài lời của ông Nguyên Ngọc :

"Nỗi lo lớn bây giờ là dù kinh tế có đang khá lên, nhưng văn hóa đã không khá theo, thậm chí còn sa sút. Đang có hiện tượng cả xã hội lao đi làm kinh tế, nhưng kể cả trong tầng lớp "khá giả" nhất của xã hội cũng rất ít người quan tâm đến văn hóa, quan tâm tới cách ứng xử có văn hóa. Văn hóa trọc phú đang tràn ngập trong xã hội. (…) Đặc trưng của chùa miền Bắc là sự thâm u, trầm tư, yên tĩnh. Kể cả những ngôi chùa nằm giữa phố, bước vào chùa là một không gian khác hẳn, khiến con người ta lắng lại. Nhưng giờ thì đâu đâu cũng thi đua trùng tu, mở rộng chùa. (…) Hình thái kiến trúc đã "hỏng", cách ứng xử trong các không gian tôn nghiêm ấy cũng có quá nhiều chuyện

đáng buồn. Đã có lần tôi cùng nhạc sĩ Dương Thụ đến chùa Tháp Bút, thấy tình trạng "hát kinh" có nhạc đệm, giống như trong nhà thờ. Cách tụng kinh Phật chậm rãi, nhấn nhá ê, a không có chút gì giống với nhạc đệm nhà thờ ở phương Tây cả. Tết năm ngoái tôi lên chùa Phật Tích, đi từ ngoài vào tới sân trong toàn thấy mùi... mực nướng !"

Trường hợp Đại Hàn cũng như Nhật Bản là hai quốc gia dân chủ. Chúng ta có thể thẩm kết mà không sợ sai lạc, là các quốc gia theo thể chế dân chủ, tự do mới có hoàn cảnh phát triển. Những nước độc tài toàn trị, quân phiệt, phát xít, thì thiểu số lãnh đạo trở thành triệu phú bên cạnh khối đại đa dân chúng ngày càng bần hàn, thất học. Ví dụ quá rõ khi ta so sánh một dân tộc Triều Tiên, mà Nam Hàn dân chủ phát triển mù trời, Bắc Hàn theo Cộng sản dân chúng đói meo.

Người Việt phục vụ giỏi khi đứng lẻ, khi gánh vác việc người khác. Các công sở Âu Mỹ thường khen sự chăm chỉ, giỏi dang, cần cù của người Việt. Nhưng giữa chúng ta với nhau thì lại khắc khẩu, khắc ý, đưa tới xỉ vả nhau kinh niên. Những ai còn lưu tâm đến sinh mệnh con cháu Vua Hùng, cần tập làm việc chung giữa hai người, ba người, rồi bốn người lên tới cộng đồng…

Sử gia nổi danh Arnold Toynbee, người Anh, tiên liệu thiên niên kỷ thứ ba sẽ là thiên kỷ của Á châu hay Phi châu. Âu châu đang đi xuống vì tranh chấp nội bộ, mất viễn tượng thế giới sau giai kỳ đế quốc xâm lược tàn tạ. Nhìn vào hiện cảnh phát triển của Nhật bản, Trung quốc và Ấn Độ, chúng ta có cơ sở để tin rằng Á châu sẽ là điểm phát xuất cho thời kỳ lịch sử mới.

Bởi vậy muốn thoát khỏi vị trí địa chính bất lợi như Việt Nam từ hai nghìn năm qua, người Việt cần chuẩn bị nhanh và khôn kế hoạch phát triển chiến lược Châu Á cho một trăm năm tới trên các lĩnh vực xã hội, văn hóa, giáo dục, nhân văn, kinh tế, khoa học. Đó là nói trên phạm vi tại thế. Vấn đề trọng thiết hơn : một chân đạp đầu núi, một chân đạp hải triều, chúng ta hiện thế ra sao trước cuộc sụp đổ của hai nền triết lý Tây phương từ Platon đến Mác-Lênin ? Người Việt phải gặp nhau trên đỉnh đầu nhân loại !

Chị hỏi Việt Nam nên rút bài học nào để phát triển ?

Câu trả lời dứt khoát là vứt hệ thống nhà nước và ý thức hệ Cộng sản vào hố rác, như thế giới đã vứt chủ nghĩa Cộng sản vào hố rác lịch sử đầu thập niên 90. Trời đã cho Lénine, Staline, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh 73 năm thí nghiệm Cộng sản như một giải pháp phát triển dân sinh (1917 – 1990). Nhưng 73 năm ấy các ông chỉ làm hai động tác vô sản hóa dân nghèo và thảm sát giới trí thức. Thế thì đeo đuổi làm chi sự hủ bại lão suy ?

Phật giáo dưới thời Cộng sản

10. Lê Thị Huệ : Tại sao ông đã không tranh đấu cho Việt Nam nói chung. Tại sao ông đã chọn đứng về phía tranh đấu cho Phật Giáo ?

Võ Văn Ái : Vừa là công dân Việt vừa là Phật tử, tôi không thấy sự xung khắc giữa Phật giáo và Việt Nam. Tôi không nghĩ khi tham gia thế sự, các thiền sư Khuông Việt, Vạn Hạnh, các Cư sĩ Phật giáo Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi… họ phải chọn lựa giữa Việt Nam và Phật giáo.

Không đâu, trọng tâm tham gia của người Phật tử cốt bảo vệ Con Người và Đất nước với hành trang tư tưởng nhân đạo nhất, là giáo lý đạo Phật, một tôn giáo hòa bình chưa hề gây thánh chiến với bất cứ ai hay tôn giáo nào. Nhà bác học Albert Einstein đã tiên liệu *"Phật giáo tiêu biểu cho những gì có thể mong đợi như một tôn giáo quy mô vũ trụ. Phật giáo siêu việt một Thượng đế cá thể, thoát ly tín điều và thần học ; bao trùm cả hai phương diện thiên nhiên và tâm linh. Phật giáo đặt nền tảng trên giác quan đạo lý từ nỗi khát khao thể nghiệm mọi sự mọi vật, thiên nhiên cũng như tâm linh, như một hợp nhất đầy ý nghĩa (…) Nếu có một tôn giáo nào có thể ứng phó với nhu cầu của những khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo"*. (Buddhism has the characteristics of what would be expected in a cosmic religion for the future : It transcends a personal God, avoids dogmas and theology ; it covers both the natural and spritual ; and it is based on a religious sense aspiring from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. (…) If there is any religion that would cope with modern scientific needs it would be Buddhism).

Có lẽ tôi cần khai triển đôi chút để chị nắm bắt thời cuộc đẩy đưa tôi vào hiện trạng hôm nay khiến chị phải hỏi "Tại sao…".

Tôi đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ở nước ngoài từ 1963 đến 1970. Sau đấy tôi từ chức, đi làm nhà in và nhà xuất bản tại Paris.

Toà soạn tạp chí **Quê Mẹ** và trụ sở **Uỷ ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam** thời kỳ 1975 – 2000, cung là trụ sở **Uỷ ban Một Chiếc Tàu cho Việt Nam (Tàu Đảo Ánh Sáng)** ra đời năm 1978 : 25 rue Jaffeux – 92230 Gennevilliers vùng ngoại ô bắc Paris. Hình dưới là Nhà in tu nhân VOV của chúng tôi ra đời đầu năm 1970, cung là Nhà xuất bản Quê Mẹ in các sách văn học. Lợi tức của nhà in tu nhân này tài trợ cho hoạt động quốc tế của Co sở Quê Mẹ từ 1975 đến 1982 là năm nhà in bị tịch biên gia sản do hoạt động Nhân quyền và Cứu Sống Người Vượt Biển.

Khi bộ đội Bắc Việt xâm chiếm miền Nam ngày 30.4.1975, tôi cùng một số bạn ở Paris thành lập Cơ sở Quê Mẹ vào tháng 10.1975 và cho ấn hành Tạp chí Quê Mẹ, số đầu tiên ra mắt ngày 1.2.1976 vào dịp Tết Bính Thìn. Tiêu điểm của tạp chí thu gọn vào tiêu ngôn : ***“Như chim hồng chim hạc. Dù lưu lạc mười phương, chúng ta vẫn bay mãi trên vùng trời quê hương. Đuôi xoè đoá sen, lưng chở núi, lòng ôm mặt trời, đôi mắt trừng trừng nhìn hư không xanh, và đôi cánh lộng làm rơi rụng nghìn dặm cách chia”.***

25 rue jaffeux – 92230 gennevilliers, france
tél. paris (1) 793 10.81

QUÊ MẸ

Như chim hồng chim hạc. Dù lưu lạc mười phương, chúng ta vẫn bay mãi trên vùng trời quê hương. Đuôi xoè đóa sen, lưng chở núi, lòng ôm mặt trời, đôi mắt trừng trừng nhìn hư không xanh, và đôi cánh lộng làm rơi rụng nghìn dặm cách chia.

INTERNATIONAL
Herald Tribune
- Published with The New York Times and The Washington Post
No. 29,185 * PARIS, MONDAY, NOVEMBER 29, 1976

29.11.1976

Pacifist Launches a Paper for Vietnamese in France

By Frank Dorsey

PARIS (IHT).—Vietnamese refugees in France now have their own newspaper, called Native Land (Que Me), an eight-page tabloid that comes out every two weeks, funds permitting. When there are no funds, it comes out a little late.

The editor and publisher is Vo Van Ai, 38, who, when Saigon fell, was a representative abroad of the Unified Vietnamese Buddhist Church. Before the war he had been a youth worker for a Buddhist association in Saigon.

Mr. Ai is a lifelong pacifist, associated with Saigon's An Quang Pagoda, some of whose monks burned themselves to death during the war to protest the Ngo Dinh Diem government's policies. When the war ended, he had been touring Europe and the United States for four years lecturing in favor of a negotiated "peace without victory" between North and South Vietnam. He speaks English, French and German.

Today, Mr. Ai confesses that he is disillusioned with the peace that has come to Vietnam. "The Communists," he said, "did not keep their promises." His paper is resolutely anti-Communist.

Only Competitor

Its only competitor in France is called Solidarity. It is filled with reports of the triumphs of Communist countries and the defeats of imperialism, and most of Mr. Ai's readers disdain it. Solidarity began publishing several years ago, long before the recent influx of refugees. It was aimed at the 80,000 Vietnamese already in France, of whom about 30,000 came 20 years ago when the French left Indochina. The others had accumulated gradually during the 100 years of France's Far East empire.

Solidarity has accused Mr. Ai of being a U.S. agent, perhaps because he is cutting into its readership. On the other hand, some of the more extreme supporters of South Vietnam's last president, Nguyen Van Thieu, have accused him of being a Communist. Mr. Ai shrugs off both charges. His only affiliation, he says, is with a pacifist group called Resisters International. He is a member of its organizing committee.

Before the war ended Mr. Ai had bought a small printshop in the Paris working-class suburb of Gennevilliers, in furtherance of his pacifist mission. When Vietnamese refugees began to pour into France—about 18,000 in the last year, compared to the 156,000 in the United States—he decided to bring out a publication for them. His first effort was a 150-page, small-format magazine, issued every three months, aimed at keeping the refugees in touch with their literature and culture.

Too Intellectual

Word came back from the refugee centers that his quarterly was too intellectual. What the exiles wanted was something more popular, more frequent, and designed to help them solve the riddles of their new surroundings. The result was Que Me, which contains all the news Mr. Ai and the 20 members of his editorial staff can dredge up about Vietnam under Communist rule, about Vietnamese refugees all over the world, and about administrative problems confronting those in France.

It also carries a few photographs, literary essays, poetry, games and rebuses and even a comic strip, which is drawn by a refugee in Denmark.

Que Me had no trouble finding a staff. There is a surplus of Vietnamese in France who can do anything—as long as it is in their own language. His foreign news editor, Pran Van Ngo, for instance, used to be the Tokyo correspondent of a Saigon paper.

Que Me's business manager is Mrs. Ai, who is even more bitter than her husband about present conditions in Vietnam. Elderly friends of hers, she said, who had never done farm work, have been shipped off to the "re-education camps."

"That means hard labor," she said. "They will not survive."

The most unexpected member of Que Me's staff is Penelope Faulkner, a blonde English girl who towers over her Vietnamese associates. One evening in 1968, in York, England, while still a schoolgirl, she heard Mr. Ai deliver his peace message, accompanied by a plea for aid for displaced persons inside South Vietnam. Fired with a desire to do something for the sufferers, she tried to go to Vietnam, but was turned down by the government. As an alternative she came to Paris to work a year, at her own expense, at the headquarters of the Overseas Vietnamese Buddhist Association, formed by Mr. Ai to keep in touch with Vietnamese living in a dozen countries. She took courses in the Vietnamese language at the Institut des Langues Orientales. Miss Faulkner is still there, writing articles for the paper in Vietnamese—with some assistance from other staff members—and operating the Monotype in the print shop.

Que Me is published in two small adjoining houses that face on the Gennevilliers marketplace, noisy and crowded all day, deserted at night. On a double gate, facing on the market, is painted a white disc six feet in diameter. It represents the full moon, the Buddhist symbol of perfection. Mr. Ai bought one house when he set up the Buddhist headquarters in 1963. The one next door was empty, condemned to make way for a municipal building project that is still years in the future. When he started his newspaper and needed more room, Mr. Ai was able to rent it from the municipality of Gennevilliers for a nominal sum.

Besides the printing plant, the houses are home for the Ais and their four children, the oldest of whom is 10. They also contain the Vietnamese Buddhist Cultural Center in Paris, consisting of a library and a meditation room with a statue of Buddha. Despite the symbolic entry and the statue, Mr. Ai insists that the establishment "is not a temple, in the Western sense." His paper, indeed, avoids any suggestion of Buddhist origin.

"It is for all Vietnamese," he said.

Neither the review nor the newspaper brings in enough money to pay expenses. Mr. Ai begs money from well-wishers and gets by as best he can. Each issue of the paper—there have been six so far—is a cliff-hanger, with no assurance that it will actually come out. On occasion he has borrowed money at the disastrous interest rate of 3 per cent a month to pay the commercial firm that folds and mails Que Me.

He favors the present attempt at rapprochement between the U.S. and Hanoi governments, but fears that a successful conclusion might not do much to help the Vietnamese people.

"What interests us is people, not power," he said. "I am in favor of all contacts, but what is needed is closer relationships between people instead of governments. I am afraid people in the West are forgetting the problems of the Vietnamese."

Le Monde

Mai 1978

• LA CHUTE DE SAIGON

La revue « Que Me » vient de publier un numéro spécial pour commémorer le 30 avril (jour de la chute de Saïgon devenu le Jour du refus). A ce numéro ont collaboré : Jean-Marie Benoist, Denise Dumolin, Brigitte Friang, Natalya Gorbanevskaïa, Eugène Ionesco, Edith Lenart, le prince Thomico Sisowath, le prince Mangkra Souvanna Phouma, Me Jean-Marc Varaut, Bios Yannakakis, ainsi qu'une vingtaine de journalistes, historiens, essayistes, romanciers vietnamiens connus tels que Vo Van Ai, Thi Vu, Trung Duong, Trang Quang Hai, etc. Prix du numéro : 20 F.

(25, rue Jaffreux, 92230, Gennevilliers, tél. 793.10.81).

Báo **International Herald Tribune** Hoa Kỳ ngày 29.11.1976 viết về sự ra đời của tạp chí Quê Mẹ. Báo **Le Monde** Pháp giới thiệu các tác giả đóng góp số Quê Mẹ Quốc Kháng 30.4 năm 1978

Tạp chí Quê Mẹ là một trong vài tạp chí đầu tiên ra đời sau ngày tang thương 30.4.1975. Bây giờ chẳng ai còn sợ hãi, nhưng thời ấy, có thể nói Quê Mẹ là tạp chí hiếm hoi, nếu không duy nhất, dám đề tên thật người chủ biên, thay vì bút hiệu, và đề địa chỉ thật thay vì hộp thư. Sự kiện này nay chẳng còn quan trọng, hay người ta đã quên, song đối với nhà nghiên cứu xã hội học, yếu tố này bộc lộ trạng thái hoang mang, sợ hãi, mất định hướng của tập thể người Việt thời bấy giờ.

Dù tôi là người xướng xuất và điều hành, nhưng Cơ sở Quê Mẹ không dựa vào hay đại biểu cho Phật giáo hoặc đảng phái nào. Tiêu đích anh em chúng tôi lúc bấy giờ là Văn hóa Việt và Nhân quyền. Bảo vệ nền văn hóa Việt đang bị nền văn hóa Mác xít uy hiếp, và bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam trước chủ thuyết không-có-con-người của Cộng sản. Không dựa vào đảng phái vì tôi chưa từng theo đảng nào. Là Phật tử nhưng không muốn nhân danh Phật giáo vì tôi nghĩ thời điểm 75 là thời điểm kết liên dân tộc trước quốc nạn chung. Mỗi người cần gạt qua bên quá khứ tự thân để có động thủ mới cho quê hương.

Sau 7 năm cộng tác hoạt động mật thiết ngày đêm với 13 hội đoàn tại Paris, rồi sau đấy, 10 năm đi du thuyết, tiếp cận với một số hội đoàn người Việt trên thế giới, tôi nhận xét điểm ưu của người Việt hải ngoại là tấm lòng cố quốc và ý hướng chống Cộng. Nhưng điểm khuyết là sự chia rẽ, phân hóa, kỳ thị vùng miền, tôn giáo, thờ ơ với xu thế toàn cầu dù sống trên địa bàn thế giới.

Sinh hoạt chung thường nệ ngôn từ, tiểu tiết hơn là nội dung và thực chất. Nặng nhất là tinh thần ***đảng tranh***, một hậu quả lịch sử từ năm 1945. Thoạt đầu là đảng tranh Quốc-Cộng, sau thành Quốc-Quốc. Vì vậy trên đấu trường, chỉ thấy “quân ta thắng quân mình”, bỏ ngỏ cho địch hoành hành. Điểm bất lợi khác, một số các đoàn thể không có đường lối chiến lược. Chống Cộng nhưng không Vượt Cộng. Vì vậy, ở lì nơi thế phản ứng, chưa có động thủ chủ động. Vô hình trung giúp đối phương tranh thủ thời gian xâm lấn, nằm vùng, tạo ly gián. Đáng buồn là trong tư thế ấy những phong trào Chống Cộng đang viện trợ “thời gian” cho Cộng sản đứng vững. Chống mà lại hoá ra liên minh ! Mâu thuẫn hết chỗ nói.

Nhận định như trên tôi thấy sự mắc cạn của một số tổ chức chống Cộng. Chống cho thỏa tấm lòng ấm ức hoặc thù hận, mong tìm lại cảnh vàng son thuở trước (sẽ chẳng bao giờ có lại). Nhưng mất liên hệ máu thịt với xu thế thế giới, đặc biệt với đại khối

quần chúng trong nước đang ngày càng khổ ách, nhưng đồng thời cũng ngày càng vượt khỏi tầm nhìn hay ước vọng của người hải ngoại. Một người bạn cha bị Cộng sản giết năm 75, gặp tôi tại Paris anh uất hận nói sẽ báo thù cha và không bao giờ nhìn mặt bọn ác ôn cộng sản. Ba mươi năm sau gặp lại anh ở Mỹ anh cho biết đang làm thủ tục về thăm Việt Nam.

Thế có nghĩa là, không kể trước kia hồi còn bé tới thời trung niên, tôi tiếp tục hoạt động thuần túy cho Việt Nam từ 1975 đến 1992.

Sang năm 1992 có sự kiện Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu viên tịch ở Huế. Trường hợp ngài khá đặc biệt. Do Hòa thượng là người đạo cao đức trọng, uy tín lớn trong quần chúng Phật giáo miền Trung. Nên Mậu Thân Huế năm 1968, Việt Cộng đến chùa Linh Mụ bắt ngài đưa lên núi nhắm mục tiêu vận động quần chúng Phật giáo vốn chống Cộng sản. Lúc ấy ngài bị xuất huyết dạ dày nặng, mặc chư Tăng chùa Linh Mụ phản đối, Việt Cộng đặt ngài vào võng gánh đi. Tôi có cuốn băng ghi âm trên hai giờ đồng hồ ngài kể từ giai đoạn Mậu Thân Huế cho đến thời về lại Miền Nam sau 75 và cực lực chống đối nhà nước Cộng sản.

Không như gần đây vì lý do “đảng tranh chính trị”, một số đảng phái chuẩn bị cho ván bài đảng họ thời hậu Cộng sản, nên nôn nóng dẹp trước mọi sinh thức dân tộc, mà Phật giáo là kẻ thù số một của họ. Bỗng xuất hiện số người bá vơ viết bài, viết sách tố cáo Hoà thượng Thích Đôn Hậu và giới Tăng lữ ở Huế theo Cộng sản gây biến động Miền Trung giữa thập niên 60. Bọn người này chưa bao giờ chịu ghé mắt đọc các tài liệu Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và CIA giải mật từ 2005 đến đầu năm nay, 2009. Đọc xong bọn họ sẽ phải hỗ thẹn về tính cách bất lương trong kiểu viết lách vu họa và dối gạt, xem thế giới và khối quần chúng thầm lặng như đá gạch vô tri ? !

Chỉ cần chút thông minh tối thiểu tất hiểu rằng những Ông Thầy Tu tay không tấc sắt, túi không lủng lẳng đô la, thì làm sao có thể “dâng Miền Nam” cho Cộng sản ? ! Trong khi ấy súng ống đầy người hằng triệu lính Cộng hoà và cảnh sát, mật vụ, với nửa triệu quân đội Mỹ tiếp tay, hàng tỉ đô la đổ rót ngày đêm vào chiến trường và nuôi dưỡng bộ máy quốc gia, từ bộ thông tin, chiêu hồi, đến bộ quốc phòng … Những triệu người này làm gì để bảo vệ Miền Nam ? Ai bỏ ngỏ Miền Nam ? Ai chạy dài trước sự tiến công của bộ đội Bắc Việttháng Tư năm 1975 ? Đến như ông Tổng thống có quân và có nước, có quyền và có vàng, đã bỏ nước ra đi trong đêm tối một tuần lễ trước khi Cộng quân vào Saigon !

Ấy là chưa nói hiện trạng Cộng sản xâm nhập vào tầng cao chế độ, quân đội, báo chí… Những Huỳnh Văn Trọng, Phạm Ngọc Thảo, Ba Quốc Đặng Trần Đức, Phạm Xuân Ẩn, v.v… Điển hình là tình báo chiến lược Vũ Ngọc Nhạ với tập đoàn tình báo đông đảo nằm ngay trong Phủ Tổng thống dưới hai triều Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu. Tập sách *“Ông Cố Vấn”* về cuộc đời hoạt động của Vũ Ngọc Nhạ được Hà Nội ấn hành,

còn in rõ thủ bút Hồng Y Francis Joseph Spellman (Mỹ) bàn tính với Nhạ việc chọn lựa Thủ tướng cho Việt Nam Cộng hòa, thủ bút thư Nguyễn Văn Thiệu cám ơn Nhạ đã liên hệ với các linh mục và các bạn Mỹ giúp Thiệu (8) !

Thế mà nay bỗng nhiên những bao là sách, bài viết, diễn thuyết, truyền thanh… trút hết tội lỗi "mất Miền Nam" lên đầu Phật giáo với những Ông Thầy Tu tay không tấc sắt ! Nghĩ cũng lạ. Lịch sử hay mưu mô, thủ đoạn ?

Ai cũng thừa biết, cưỡng bức rồi cõng gánh ra đến miền Bắc, vai trò Hoà thượng Thích Đôn Hậu mờ nhạt. Hà Nội dùng ngài như bình phong Phật giáo cho cuộc tuyên truyền quốc tế không mấy thành công.

Cuối năm 1969 nhân được Hoàng thân Sihanouk mời thăm Cam Bốt, tình cờ tôi có dịp gặp và hỏi thăm về Hoà thượng khi gặp ông Nguyễn Văn Hiếu, Đại sứ của Mặt trận Giải phóng tại Nam Vang. Ông Hiếu đã rất ấp úng về trường hợp của ngài và tỏ vẻ lạnh nhạt với Phật giáo. Người Cộng sản rất tự đắc, tự kiêu ngay cả khi họ chưa thắng lợi.

Sau 1975 trở về Nam, Hòa thượng Thích Đôn Hậu là người chống đối Cộng sản đầu tiên trong lớp người ở Bắc về. Đến như hàng giáo phẩm lãnh đạo Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, cũng hồ nghi ngài "theo" Cộng sản. Nhưng sau 8 năm xa cách, và sau buổi họp đầu tiên trình bày ý kiến trước tình hình mới với Viện Hóa Đạo ở Saigon, cố Hòa thượng Thích Thiện Minh đã kết luận khá hình tượng là *"Tưởng Hòa thượng mặc áo đỏ, nào ngờ lòng ông vẫn vàng. Đi lâu mới biết đường dài / Ở lâu mới biết con người thủy chung"*. Tại buổi họp này ngài đã có những cố vấn rất thực tiễn và khôn ngoan giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đối phó với nan đề Cộng sản. Câu ẩn ngữ của ngài mà tôi tâm đắc là :

"Chúng ta cố gắng xiển dương chánh pháp. Gặp thời chúng ta có thể giảng diễn trước hàng vạn người, hàng ngàn người, trăm người. Còn khi không thể nào thể hiện sự giảng diễn đó, chúng ta giảng cho 5 người, cho 10 người. Nhiều lần, nhiều chỗ giảng như vậy, thành ra đông đúc".

Ngay năm 1976, trong cuộc hội kiến với ông Phạm Văn Đồng hay tại khóa họp Quốc hội kỳ 2 ở Hà Nội, Hòa thượng Đôn Hậu đã phê phán chính sách đàn áp Phật giáo và nhân quyền tại miền Nam, và phản ứng thái độ trịch thượng của tướng Võ Nguyên Giáp, mà Hòa thượng nói rằng *"Nếu không nghĩ mình là Thầy tu, thì cái ghế của tôi sẽ phang lên đầu ông Võ Nguyên Giáp !"* Câu này văng vẳng trong tôi khi tôi nhìn và buồn cho thân phận một "thiền sư" lưu vong như Nhất Hạnh cùng với bà Chân Không hai người ngồi chầu hầu ông bà Võ Nguyên Giáp ở Hà Nội trong bức hình chụp gần đây. Thật không dễ để trở thành bậc Cao tăng Phật giáo dám xem quyền bính như đôi dép rách, chẳng bái lạy cường quyền. Lẽ ra "Phật tử" Võ Nguyên Giáp phải đứng hầu bên ông "thiền sư" chứ. Phải không ?

Đặc biệt Hoà thượng Đôn Hậu còn tố cáo bàn tay Cộng sản giết Hòa thượng Thích Thiện Minh, đòi đưa ra ánh sáng công lý. Hòa thượng nói thẳng với Cộng sản về dân tình miền Nam rằng :

"Tình hình đoàn kết, thương yêu, kính trọng [của dân miền Nam] **chỉ được 10 ngày** [sau khi Cộng sản vào Nam]. **Sau 10 ngày đó : Tình đoàn kết xưa nay bây giờ rã hết. Lòng yêu thương đổi thành ghét cay ghét đắng ! Sự kính trọng bây giờ người dân trở lại khinh đáo để !"**

Tôi chưa nghe vị lãnh đạo tôn giáo hay chính trị nào dám nói thẳng vào mặt Cộng sản như thế sau năm 1975. Thế mà nay, 34 năm sau, những kẻ câm miệng hến bỗng cất lời tố cáo Hoà thượng và giới Tăng lữ Phật giáo, thay vì tố cáo chế độ gian ác ở Hà Nội.

Kể từ 1976, Hòa thượng Thích Đôn Hậu từ bỏ tất cả mọi chức vụ bị gán kết như Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Mặt trận Tổ quốc, kể cả các chức vụ "bị" đề cử vào Giáo hội Phật giáo Nhà Nước, để chuyên lo cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất trong chức vụ mới, Chánh Thư ký kiêm Xử lý Thường vụ Viện Tăng thống, kế tục cuộc đấu tranh cho tự do tín ngưỡng và nhân quyền.

Trong cuộc vận động bầu cử quốc hội ở Thừa thiên - Huế giữa năm 1976, Mặt trận Tổ quốc và Ban Dân vận mở các cuộc họp khu phố, phường khóm, vận động dân chúng đừng bầu cho Hòa thượng Thích Đôn Hậu với ba lý do mà chủ tọa đoàn của Cộng sản công bố trước quần chúng :

> ***1. "Bầu mấy ông già mệt lắm. Già thì chết thôi, mất công bầu lại người khác ;***
>
> **2. Ông Đôn Hậu thấy cũng có tranh đấu, nhưng ông tranh đấu cho Phật giáo, chứ đâu phải cho dân tộc ? ;**
>
> **3. Ôn Đôn Hậu cũng có đi với cách mạng, nhưng mà Ôn bị bắt chớ đâu phải Ôn tình nguyện đi !**

Cần nói ngay ở đây, là Hòa thượng Đôn Hậu khước từ ra ứng cử và yêu cầu trở về cương vị tu sĩ, nhưng bị nhà cầm quyền Cộng sản bó buộc. Ông Nguyễn Hữu Thọ đích thân đến gặp riêng Hòa thượng Đôn Hậu khẩn nài : "Tôi xin thay mặt Chính phủ Lâm thời, và riêng tôi, yêu cầu bác đóng góp". Thời ấy, cũng như thời Mậu Thân 1968, Cộng sản cần một biểu tượng Phật giáo làm bình phong. Vì đối ngoại, Nhà nước Cộng sản cần có khuôn mặt Phật giáo để mang sắc thái "chính quyền nhân dân". Đối nội thì để chinh phục giới Phật tử chống Cộng. Vì vậy mà ép buộc Hòa thượng ra ứng cử, nhưng mặt khác giảm giá Hòa thượng tại địa phương để đàn hặc quần chúng Phật giáo.

Tôi biết Hòa thượng từ hồi ở Huế giữa thập niên 40. Sang thập niên 50 tôi bỉnh bút cho nguyệt san Liên Hoa, cơ quan ngôn luận của Tăng già miền Trung, do ngài làm Chủ nhiệm. Nên sau này càng ngưỡng phục nhân cách Hòa thượng Đôn Hậu qua hai hành xử dân tộc và Phật giáo :

Thời Pháp chiếm lại Huế năm 46, quân đội Pháp bắt ngài và định giết. Trong ba ngày chúng bắt ngài đào hố để xứ bắn. Ngài ung dung và trầm tĩnh vừa đào đất vừa tụng chú Đại Bi. Nhờ bà Từ Cung (mẹ vua Bảo Đại) can thiệp nên ngài không bị giết và được trả tự do.

Hành xử thứ hai tại Hà Nội năm 1969 khi ông Hồ mất. Đảng và Nhà nước yêu cầu Hòa thượng Đôn Hậu cùng các lãnh đạo tôn giáo thay phiên với Bộ Chính trị đứng gác quan tài Hồ Chí Minh. Dưới chế độ Cộng sản đây vừa là đặc ân, vừa là vinh dự cao cấp, nhưng đồng thời cũng là vật tuyên truyền rằng nhân dân các giới "kính yêu Bác Hồ". Mặc bao áp lực của Đảng, Hòa thượng Đôn Hậu khước từ. Ngài cho họ biết rằng truyền thống chư Tăng Phật giáo không lạy bất cứ ai (bất bái quân vương) ngoài Đức Phật. Bộ Chính trị bẽ lý luận này khi nói : *"Bác tuy Tăng sĩ nhưng còn là một công dân tham gia cách mạng. Đây là nhiệm vụ và bổn phận công dân chứ không phải là Tăng sĩ".* Hòa thượng liền đáp : *"Quý vị nói rất đúng, tôi xin thi hành nghĩa vụ công dân này. Tuy nhiên xin qúy vị thỏa mãn một lời yêu cầu của tôi để tôi an tâm thực hiện. Tôi tu học và xuất gia tại Huế, nay xin Đảng và Chính phủ cho tôi được về Huế xin phép chư Tăng cho tôi xả giới thôi làm Tỳ kheo Đôn Hậu để có thể trở thành công dân Đôn Hậu. Như thế việc gác quan tài Bác mới danh chính ngôn thuận".* Bộ Chính trị bực mình nhưng đành nói đưa : *"Thời buổi Mỹ Ngụy còn chiếm đóng miền Nam, làm sao chính phủ đưa bác về Huế được !"* Rồi cho qua.

Hòa thượng Thích Đôn Hậu là người tôn giáo độc nhất trong các tôn giáo tại Việt Nam khước từ gác quan tài lãnh tụ, và là quan tài Hồ Chí Minh. Không như thập niên 80 khi ông Tôn Đức Thắng chết, Hòa thượng Thích Trí Thủ và Hồng y Trịnh Như Khuê được chỉ định đứng gác quan tài ông Tôn và hai vị đã thi hành. Trong tập Thơ Tù của Hòa thượng Thích Quảng Độ có bài "Sư Cụ và Đức Cha" châm biếm việc này.

Trước khi qua đời vào tháng tư năm 1992, Hòa thượng để lại Di chúc yêu cầu tang lễ thầm lặng, đơn giản dành cho nhà tu Phật giáo, không được tổ chức rầm rộ hay đọc điếu văn, nhằm ngăn ngừa Nhà nước cộng sản lợi dụng tang lễ tuyên truyền cho chế độ. Dự kiến của Hòa thượng đã thành sự thật khi Hà Nội giành quyền tổ chức tang lễ và cử người vào đọc điếu văn đồng thời muốn gắn huy chương Hồ Chí Minh lên kim quan ngài. Thế là nổ ra sự phản đối của chư Tăng chùa Linh Mụ chống việc chính trị hóa tang lễ. Tình hình mỗi lúc một nghiêm trọng, 50 Tăng Ni tuyệt thực. Chùa Linh Mụ báo động sang Paris nhờ tôi can thiệp. Nhân danh Cơ sở Quê Mẹ và trong vị thế Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam tôi mở cuộc vận động quốc tế tại LHQ, các trung tâm quyền lực Âu Mỹ và các cơ quan truyền thông, báo chí quốc tế. Tin

truyền nhanh nổ lớn, gây áp lực lên công luận thế giới giúp chư Tăng chùa Linh Mụ hoàn thành tang lễ theo Di chúc của Hòa thượng Đôn Hậu.

Hòa thượng Thích Nhật Liên, đệ tử y chỉ và Trưởng ban Tang lễ chùa Linh Mụ, đánh Fax cho tôi báo tin lành, cảm tạ và tặng tôi một bài thơ. Từ đó kéo đến cuộc đấu tranh quyết liệt của Phật giáo Huế dẫn tới cuộc biểu tình bốn mươi nghìn (40.000) người hôm 24.5.1993 đòi hỏi nhân quyền và tự do tôn giáo, mà báo chí Hà Nội quy kết tôi chủ động điều khiển. Một cuộc biểu tình không tiền khoáng hậu dưới thời Cộng sản. Khiến Viện Khoa học Công an phải cấp tốc tổ chức cuộc Hội thảo "Diễn biến Hòa bình" ngày 26.6.1993 tại Hải Phòng với nhiều tham luận của các tướng Đặng Vũ Hiệp, Lê Quang Thanh, v.v.. đánh giá cuộc biểu tình Huế mang nguy cơ mất nước, và là *"tiếng chuông cảnh tỉnh chúng ta về tác động hiện thực do khả năng địch tiến hành chiến lược diễn biến hòa bình".*

Tại tang lễ ở chùa Linh Mụ, Hòa thượng Thích Huyền Quang được cố Hòa thượng Đôn Hậu phó chúc làm người thừa kế lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất để vận động đòi hỏi quyền sinh hoạt pháp lý của giáo hội. Vì vậy, nhà cầm quyền Hà Nội gia tăng đàn áp, khủng bố Hòa thượng Huyền Quang và hàng giáo phẩm đi theo con đường của cố Hòa thượng Đôn Hậu. Trong cuộc đấu tranh này tôi tiếp tục hỗ trợ Phật giáo ở cương vị một tổ chức nhân quyền ngoài Phật giáo (Quê Mẹ và Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam) như 17 năm trước từng ủng hộ cho các giáo hội Phật giáo, Công giáo, Hòa Hảo, Cao Đài hay các cá nhân, phong trào nhân quyền trong nước hoặc các văn nghệ sĩ, tù nhân chính trị ở các trại Cải tạo bị áp bức.

Tình hình đàn áp Phật giáo ngày một căng thẳng, Hòa thượng Thích Huyền Quang viết thư cảm ơn sự hỗ trợ của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, rồi tiếp đó viết thư riêng mời tôi trở lại trực tiếp tham gia Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất như trước năm 1975 để nhân danh giáo hội mở cuộc vận động quốc tế.

Tôi do dự rất nhiều.

Do dự vì bản thân tôi không muốn đi vào con đường cục bộ của một tôn giáo, một đảng phái. Mặt khác, cộng đồng thế giới, từ LHQ đến các tổ chức nhân quyền và chính giới Âu Mỹ cũng như cộng đồng người Việt biết tôi như người làm văn hóa và tranh đấu cho nhân quyền, dân chủ Việt Nam qua danh xưng Cơ sở *Quê Mẹ* và *Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam* mà tôi làm chủ tịch, chứ không là người của Phật giáo.

Ngoài ra, tôi từng trải qua một kinh nghiệm đau buồn và thất vọng khi cộng tác với ông Nhất Hạnh cuối thập niên 60, nên tự hứa sẽ chẳng bao giờ dính dáng đến giáo hội nữa.

Nhưng cuối cùng tôi nhận lời giúp và cho ra đời cơ sở mới của Phật giáo ở hải ngoại có

tên **“Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế”**. Có thể nói từ 1963 đến nay chưa bao giờ Phật giáo có một cơ sở truyền thông mang tính quốc tế và đóng góp hữu hiệu cho công cuộc vận động hồi sinh Phật giáo và dân chủ hoá Việt Nam. Tôi nhớ mười mấy năm trước, ký giả Robert Templer, thuộc thông tấn xã AFP có nhiệm sở ở Hà Nội ghé Paris điện thoại muốn gặp tôi. Chưa kịp bắt tay tại toà soạn Quê Mẹ, ông nói ngay : “Tôi muốn đến nhìn con người ông ra sao mà Hà Nội rất giận dữ mỗi khi nhắc đến tên ông”. Tôi đáp : “Ông thấy chưa, tôi hiền lành lắm mà”. Sau này ra sách **“Bóng Gió”** (9) Robert Templer có viết lại sự kiện các lãnh đạo Hà Nội giận dữ, hằn thù đối với tôi. Theo ký giả này có lẽ sự kiện tôi liên tục làm sống dậy phong trào đấu tranh của Phật giáo trên trường quốc tế, là cái gai làm Hà Nội đau nhức.

Sau khi Hòa thượng Thích Quảng Độ được đặc xá năm 1998, và trong vị thế Viện trưởng Viện Hóa Đạo, ngày 27.8.1999, Hòa thượng ký Quyết định mang số 01/VHĐ/QĐ, công cử tôi làm Phát ngôn nhân của Viện Hóa Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, và Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế là cơ quan Thông tin và Phát ngôn của Viện Hóa Đạo trong nước.

Tôi nhận lời vì hai lẽ. Một là vì thế giới và truyền thông quốc tế đã hoàn toàn lãng quên Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, dù Giáo hội đấu tranh cho mục tiêu tự do tôn giáo và nhân quyền, dân chủ, từ cuối năm 1975, sớm hơn bất cứ tôn giáo hay phong trào nào tại Việt Nam.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

V I Ệ N H Ó A Đ Ạ O

Văn phòng Lưu Vong tại Quảng Ngãi

QUYỀN VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Kính gởi : ÔNG VÕ VAN ÁI

- PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN
- CHỦ TỊCH ỦY BAN BẢO VỆ QUYỀN LÀM NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP
- CHỦ NHIỆM TẠP CHÍ QUÊ MẸ

Kính Ông ,

Mặc dù, hơn 17 năm qua, tôi đã bị chính quyền Cộng Sản Việt Nam quản chế và tước mất hết mọi quyền sống.Nhưng, tôi đã vô cùng hãnh diện vì toàn thể thế giới loài người đã không quên tôi , đã nổ lực vận động chính quyền Hà Nội cho tôi có được tự do .

Tuy nhiên , cũng hơn 17 năm qua, sự tự do cá nhân hoàn toàn chưa đến với tôi và tự do tín ngưỡng cũng hoàn toàn chưa đến với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất !

Nhưng , tôi vô cùng cảm động khi thấy Ông là một trong những Vị hoạt động tích cực để bảo vệ nhân quyền,dân chủ và tự do tôn giáo tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Nhất là, chính Ông đã tích cực vận động khắp cả hoàn vũ để ủng hộ 9 yêu sách của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất .

Kính Ông ,

Chúng tôi nghĩ rằng , là người Việt Nam , tất cả chúng ta đều có cùng trọng trách bảo toàn thân tâm của Dân tộc Việt Nam, để thân và tâm ấy được mãi mãi trong sáng và lành mạnh , để thân tâm ấy không bị nhiễm độc bởi ý hệ,nhằm thoát khỏi môi trường đang thiếu vắng nhân văn và phi nhân bản !

Chúng tôi nghĩ rằng , chúng ta cũng còn có trách nhiệm kế thừa và làm sung mãn truyền thống cao đẹp của nòi giống và đạo giáo Việt Nam . Chính trong ý hướng và hành động ấy , Ông cũng như chúng tôi, trong mọi sinh hoạt đều đã gặp nhiều chướng ngại, khó khăn .

Nhưng, tôi xác quyết rằng chúng ta sẽ vượt qua và sẽ thành tựu,vì chúng ta có chính nghĩa của Đức Hiếu Sinh.

Vì vậy, tôi thiết tha mong Ông kiên trì dũng mãnh trong ý chí và nổ lực hơn nữa trong hành động để nhân quyền , dân chủ và tự do tín ngưỡng đích thực sớm có mặt trên quê hương Việt Nam quá nhiều khổ đau này . Lại nữa, chính trong hiện tại đỡ bị bức hại !

Sang năm mới , nhân danh cá nhân tôi và thay mặt Hội Đồng Lưỡng Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, nguyện cầu Tam Bảo gia hộ Ông , toàn thể thành viên cùng Quý quyến một Mùa Xuân Di Lặc vô lượng an lành và gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trên con đường phụng sự Dân tộc và Nhân loại .

Từ QUẢNG NGÃI, ngày 26 tháng Chạp Nhâm Thân
(18-01-1993)

TM . HỘI ĐỒNG LƯỠNG VIỆN
QUYỀN VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO
G.H.P.G.V.N.T.N.

Một đoạn thư tay đầu năm 1993 của Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang gửi riêng cho Đạo hữu Võ Văn Ái yêu cầu tham gia trực tiếp vào Giáo hội và hình thành cơ quan Thông tin để vận động Quốc tế. Sau đó Ngài gửi Quyết định thành lập Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế, nhưng người chuyển thư đã bị công an bắt và văn kiện bị tịch thu. ↓

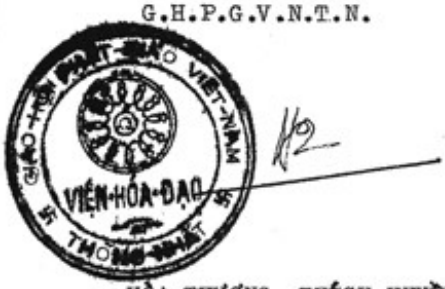

(...)

HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG

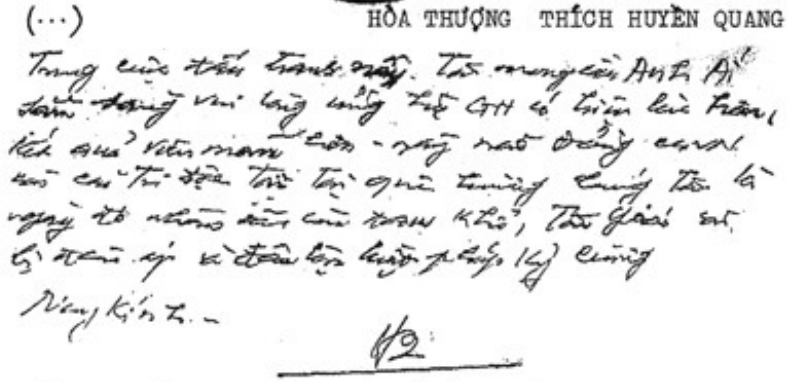

Trong cuộc đấu tranh này, tôi mong cầu Anh Ái sẵn sàng vui lòng ủng hộ Giáo hội có hiệu lực hơn, kết quả viên mãn hơn. Ngày nào Đảng Cộng sản Việt Nam còn cai trị độc tài tại quê hương chúng ta là ngày đó nhân dân còn đau khổ, Tôn giáo còn bị đàn áp và đảo lộn luật pháp kỷ cương.

Nay kính
ký tên Huyền Quang

Thư của Hòa thượng Thích Huyền Quang viết từ nơi lưu đày Quảng Ngãi ngày 18.1.1993 cám ơn tác giả trong vị trí Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Quyền Làm Người Việt Nam đã hậu thuẫn Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Ở cuối trang 2 là thủ bút Hòa thượng Thích Huyền Quang mời tác giả trở về với Giáo hội để mở cuộc vận động cứu nguy Giáo hội. Sau đó ngài gửi Quyết định giao phó tác giả thành lập cơ quan Thông tin Phật giáo Quốc tế tại Paris. Nhưng người chuyển thư bị bắt trên đường đi và văn kiện bị tịch thu.

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

VIỆN HÓA-ĐẠO

TD/3b

VĂN-PHÒNG TẠM:
CHÙA ẤN-QUANG
243, Đường Sư Vạn-Hạnh
Điện thoại: 36.715
CHOLON

P.L. 2513 — Cholon, ngày 05 tháng 7 năm 1969

Số: 289 VHĐ/VP

TỔNG-THƯ-KÝ VIỆN HÓA-ĐẠO

Kính gởi:
Đạo-hữu VÕ-VĂN-ÁI
PARIS

Thưa Đạo-hữu,

Để tiện việc theo dõi và cứu xét các việc liên hệ đến Ban Đại-diện GHPGVNTN ở hải ngoại và tại Pháp, Viện trân trọng yêu cầu Đạo-hữu vui lòng cho sao hoặc photo copie các văn kiện do Viện gởi sang từ đầu năm 1964 đến tháng 06 năm 1966, vì hồ sơ ở Văn-phòng Viện bị thất lạc trong những kỳ Pháp-nạn 1966.

Thành thật cảm ơn và kính chào Đạo-hữu.

Nay thư,

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT VIỆN HÓA-ĐẠO

Thượng-tọa THÍCH HUYỀN-QUANG

Thư liên hệ năm 1969 giữa cố Hòa thượng Thích Huyền Quang, Viện Hóa Đạo, với tác giả điều hành thời ấy Ban Đại diện GHPGVNTN ở hải ngoại, trụ sở đặt tại Maisons Alfort ngoại ô Paris.

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT
VIỆN HÓA-ĐẠO
TỔNG VỤ THANH-NIÊN

Trụ sở
294, Công-Lý
Điện-thoại : S.G. 20.933
SAIGON

Số 038 /TVTN/VP

PL 2512 Saigon, ngày 02 tháng 11 năm 1968

TỔNG-ỦY-VIÊN TỔNG-VỤ THANH-NIÊN

Reçu le 15 Nov 1968
Répondu le

Kính gửi : Anh VÕ-VAN-ÁI
Sinh-Viên Phật-Tử Hãi-ngoại
PARIS

Anh Ái,

Tôi vừa nhận được một số tờ TIN-TƯỞNG của Anh em ở Paris. Qua nội dung tờ báo tôi thấy được sự cố gắng của anh em ở quê người. Hoàn cảnh đất nước và Giáo-hội đương gặp phải sự khó khăn, vì vậy sự liên lạc và hỗ trợ với anh em thực là thiếu sót. Anh em cố gắng, nhất là phản ảnh đường lối của Giáo-Hội, tránh đi những cực đoan không có lợi. Cứu cánh của chúng ta là Dân-Tộc và Đạo-Pháp, do đó, nên dầu phương tiện có hay đến đâu mà thực tại không thể đem Tổ-Quốc ra khỏi lối thoát hiện nay thì đều không có lợi! Anh em cố gắng đặt liên lạc thường xuyên với bên nhà.

Thăm tất cả Anh em mạnh.

Thầy,

TỔNG-VỤ THANH-NIÊN

1968 - Thư của cố Hòa thượng Thích Thiện Minh gửi tác giả về Đoàn Sinh viên Phật tử Paris và tờ báo Tin Tưởng.

Cuộc tự thiêu tập thể của 12 Tăng Ni ở Thiền viện Dược Sư, tỉnh Cần Thơ, ngày 2.11.1975 phản đối chính sách cộng sản đàn áp Phật giáo và vi phạm nhân quyền là hành động minh thị ý hướng tự do và dân tộc của Phật giáo thoát ly khuynh hướng truyền đạo cục bộ. Chưa kể hàng nghìn bức thư của Viện Hóa Đạo khiếu kiện Cộng sản, vạch trần các sự thể đàn áp, bức hiếp Tăng Ni, Phật tử sau ngày 30.4.75.

Thứ hai là vì tôi thất vọng với số lớn các tổ chức đấu tranh ở hải ngoại không có tầm chiến lược, lại không theo kịp xu thế thế giới và trào lưu phát triển con người. Trong khi ấy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là xã hội dân sự lớn nhất tại Việt Nam, có cơ sở quy mô và tổ chức rộng khắp các cấp làng xã. Đây là lý do làm cho Đảng Cộng sản sợ hãi, biến thành chính sách đàn áp cơ bản của Nhà nước Cộng sản. Đảng có ý thức quần chúng hơn bất cứ ai nên rất sợ phải đối đầu với khối quần chúng lớn rộng có tổ chức của Phật giáo vốn không thần phục Đảng.

Tập tài liệu **“Thống nhất Phật giáo”** của cán bộ cao cấp Đỗ Trung Hiếu viết năm 1994 tiết lộ sự sợ hãi này. Cần biết ông Đỗ Trung Hiếu, bí danh Mười Anh, người Ninh Hoà, đảng viên cộng sản thâm niên, được Đảng giao làm công tác Tôn giáo vận. Trước 1975, ông là Trưởng ban Trí Trẻ (vận động trí thức, sinh viên, học sinh) khu Saigon - Gia Định, công tác dưới quyền của Khu ủy Trần Bạch Đằng.

Sau 1975, ông được Xuân Thủy rồi Nguyễn Văn Linh và Trần Quốc Hoàn trực tiếp giao phó nhiệm vụ “thống nhất Phật giáo”, mà thành quả là sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (tức Giáo hội Nhà nước) ngày 4 tháng 11 năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Chính ông Xuân Thủy, người điều khiển Phái đoàn Hà Nội tại hòa hội Paris cuối thập niên 60, bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận và Mặt trận Trung ương, kiêm bí thư Đảng Đoàn Ủy ban Mặt trận Trung ương, đã triệu ông Đỗ Trung Hiếu từ Saigon ra Hà nội đầu năm 1979 và giao cho ông Hiếu chức Chính ủy của Đoàn công tác thống nhất Phật giáo Việt Nam, tức công cụ hóa Phật giáo làm tay sai chính trị cho đảng Cộng sản.

Do bất mãn chính sách tôn giáo của Đảng mà ông Hiếu viết tài liệu này. Qua 50 trang đánh máy, khổ A4, ông Đỗ Trung Hiếu cho biết chi tiết từng tên tuổi các vị lãnh đạo Đảng đến hàng giáo phẩm cao cấp Phật giáo, theo hoặc chống, trong quá trình thống nhất Phật giáo, do Đảng chủ trương sau ngày Saigon sụp đổ năm 1975.

Ông Hiếu cho biết một cách chính xác chủ trương của Trung ương Đảng và Ban Dân

vận Trung ương về vấn đề thống nhất Phật giáo. Ông viết :

“Nội dung đề án là biến hoàn toàn Phật giáo Việt Nam thành một hội đoàn quần chúng. ***Còn thấp hơn hội đoàn, vì chỉ có Tăng, Ni, không có Phật tử ; chỉ có tổ chức bên trên không có tổ chức bên dưới, tên gọi là Hội Phật giáo Việt Nam (...) Nội dung hoạt động là lo việc cúng bái chùa chiền, không có hoạt động gì liên quan tới quần chúng và xã hội (...) Lấy chùa làm cơ sở chứ không phải lấy quần chúng Phật tử làm đơn vị của tổ chức Giáo hội”.***

THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO

Tôn giáo là một vấn đề lớn của Dân tộc. Thống nhất Phật Giáo Việt nam là một chủ trương chiến lược của Đảng Cộng sản Việt nam trong vấn đề tôn giáo.

Các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt nam, Quí Hòa thượng lãnh đạo các bộ phái và tổ chức Phật giáo đều có trách nhiệm trong việc thống nhất Phật giáo.

Với tư cách là một cán bộ tham mưu của Đảng Cộng sản Việt nam, tôi có một vai trò trọng yếu trong thời điểm đó. Đúng, sai trong việc thống nhất Phật giáo Việt nam tôi đều có phần trách nhiệm

Ngày nay viết lại phần này, trước hết tôi tự xác định trách nhiệm, tự nhìn lại mình và đáp lời với Tăng ni và đồng bào Phật tử. Đồng thời tôi tha thiết mong những ni có liên quan, đặc biệt là những nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt nam, bình tĩnh xem lại mọi việc, thấy rõ nguồn cội, chân thành giải quyết hợp với nguyện vọng Phật tử Việt nam : DÂN TỘC VỚI ĐẠO PHÁP NHƯ NƯỚC VỚI SỮA

Rồi, đối với các tôn giáo khác cũng nên làm như thế.

Được vậy nhân dân Việt nam sẽ hạnh phúc, mọi người sẽ thanh thản biết bao.

Mùa Phật đản 2538 (1994)

ĐỖ TRUNG HIẾU

- 48 -

cho người, tốn hao là làm cho nhiều người bị tù đày chết chóc. Điều đó không lấy gì và làm sao bù đắp được. Tốt nhất các nhà cầm quyền nên nghĩ thật chín chắn, phác họa một đề án chiến lược hợp lòng dân trên nguyên tắc CÁI GÌ CỦA CÉSAR HÃY TRẢ LẠI CHO CÉSAR, trình Ban Bí thư. Thuận thì làm, không thì từ nhiệm về vườn hoặc xin chuyển sang công tác khác.

Các anh nhớ đừng làm gì để họa cho dân tộc, gây đau khổ cho đồng bào các tôn giáo. Nghiệp báo đời đời.

Phật Đản 2538, ngày 15.4.Giáp Tuất
(ngày 25-5-1994)

ĐỖ TRUNG HIẾU

Trang đầu và trang cuối tập sách **"Thống nhất Phật giáo"** của ông Đỗ Trung Hiếu. Chưa đọc sách này, thì không thể hiểu vấn đề Phật giáo và Cộng sản ngày nay.

Về sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (dân chúng trong nước gọi là Giáo hội Nhà nước hay Giáo hội Quốc doanh) tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, ngày 4.11.1981, ông Hiếu nhận định :

"Thực sự đại biểu là giữa Phật giáo của ta và Gíao hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. ***Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam đều là đại biểu dự Đại hội, trong đó đại biểu của ta đa số. Chín tổ chức và hệ phái Phật giáo, Gíao hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là một (1), còn lại tám (8) với những danh nghĩa khác nhau, nhưng tất cả đều hoặc là ta hoặc là chịu sự lãnh đạo của Đảng". (...) Cuộc thống nhất Phật giáo lần này bên ngoài do các hòa thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay đảng Cộng sản Việt Nam xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến tướng Phật giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng".***

Kể từ Chỉ thị số 20 do ông Trần Xuân Bách thảo và Bí thư thứ nhất Lê Duẩn ký năm 1960, chủ trương trên đây là lập trường bất biến của Đảng và Nhà nước cộng sản đối với Phật giáo. Chính ông Xuân Thủy trình bày và cụ thể nhấn mạnh khi bàn giao nhiệm vụ cho Đỗ Trung Hiếu :

"Việc thống nhất Phật giáo Việt Nam theo tôi biết, Đảng chủ trương thống nhất Phật giáo của ta với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất khối Ấn Quang. Phật giáo của ta là "Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam" và "Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước" ở miền Nam. Ở miền Bắc, phật tử đã vào các đoàn thể quần chúng hết rồi, chỉ còn những cụ già đi lễ bái ở chùa ngày rằm, mồng một, theo tục lệ cổ truyền. Sư tiêu biểu thật hiếm. Cụ Trí Độ đã luống tuổi, quanh đi quẩn lại vẫn cụ Phạm Thế Long, nhưng khả năng đức độ của cụ ảnh hưởng trong nước và quốc tế hạn chế. Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước có khá hơn một tí. Cụ Minh Nguyệt *(đảng viên cộng sản, theo ô. Hiếu)* ***có thành tích ở tù 15 năm Côn Đảo, cụ Thiện Hào*** *(đảng viên cộng sản, theo ô. Hiếu)* ***có thành tích đi kháng chiến, nhưng điều phật tử cần ở nhà Sư, cả hai cụ đều hạn chế.***

"Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất khối Ấn Quang là một tổ chức tôn giáo và tổ chức quần chúng mang tính xã hội chính trị có màu sắc dân tộc, thu hút đông đảo quần chúng và có uy tín trên thế giới, nhiều nhà sư tài giỏi. Nếu thống nhất theo Kiến nghị của cụ Đôn Hậu, có nghĩa là giải thể "Ban

Liên lạc Phật giáo Yêu nước", sáp nhập "Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam" *(ở Miền Bắc)* ***vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và chịu sự lãnh đạo của họ. Như thế Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất phát triển ra toàn lãnh thổ Việt Nam chứ không chỉ ở miền Nam như trước năm 1975.***

"Quan trọng là Đảng không bao giờ lãnh đạo được Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, mà ngược lại Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất trở thành một tổ chức tôn giáo rộng lớn có đông đảo quần chúng, là một tổ chức có áp lực chính trị thường trực với Đảng và chính phủ Việt Nam.

"Thống nhất theo dự án của ban Tôn giáo chính phủ chưa ổn lắm, vì chung qui cũng đưa các cụ ở Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam *(của Đảng ở miền Bắc)* ***và Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước*** *(của Đảng ở miền Nam)* ***xách cặp cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất mà thôi".***

Đấy, sức mạnh thực hữu và uy tín của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất phát ra từ miệng các ông trùm Cộng sản. Có đâu như gần đây một vài Tăng sĩ cơ hội, Phật tử cơ hội ở Hoa Kỳ, Canada, Châu Âu, Châu Úc bêu riếu Giáo hội chỉ còn có hai người là đức cố Tăng thống Thích Huyền Quang và Hòa thượng Thích Quảng Độ ! Chẳng những thế, các bài viết vu hãm và nặc danh của họ rêu rao Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất "chẳng có bao lăm người".

Chẳng có bao lăm người, trong nghĩa chả ra gì. Chả ra gì mà sao cả Bộ Chính trị và Bộ Công An ở Hà Nội cho đến bọn khuyển mã *Giao Điểm*, rồi ba nhóm Phật giáo cơ hội *Về Nguồn, Tăng Ni Việt Nam Hải ngoại, Thân hữu Già Lam* không ngớt "chiếu cố", chửi bới, mạ lỵ, vu hãm Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, lại còn tiếm danh Giáo hội để làm tiền xây chùa và mong mỏi không bị Cộng đồng Người Việt Tị nạn hỏi thăm về việc thỏa hiệp trong lý trí hay đi đêm trong cầu cạnh với Hà Nội của bọn này ?

Thập niên 60 uy danh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất lớn biết bao trong dư luận thế giới và qua các hãng tin quốc tế. Thế mà sau 1975 chẳng còn ai nhắc đến, năm thì mười họa mới có một dòng tin không gây xúc động hay mang lại niềm hứa hẹn.

Phật tử hải ngoại đông nhưng vắng mặt trong những động thủ quốc tế cơ bản, giỏi lắm chỉ có mặt theo đuôi các cuộc biểu tình hay ký kiến nghị vu vơ. Đây là lý do khiến tôi muốn ra tay điều chỉnh sự bất công đối với Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế. Và điều chỉnh được kể từ năm 1992 trở đi.

Tôi nhìn Phật giáo Việt Nam trong thế toàn cầu, như một đóng góp nhân loại trước các vấn nạn khủng hoảng tư tưởng, văn hóa, nhân tâm và sinh thái. Chứ không như một giáo phái đi tìm kiếm tín đồ.

Lý do thứ hai như đã nói sơ bộ ở trên, là sau khi nghiên cứu các hoạt động của một số tổ chức người Việt ở hải ngoại, tôi nhận thấy hoạt động họ thường vụ tuyên truyền, hay để thỏa mãn tự ái một thời, nhưng lại thiếu thực chất và chủ lực. Không có viễn kiến hoặc thù ứng với xu thế thế giới. Đặc biệt không gia công tiếp cận, hậu thuẫn hay gầy dựng chủ lực trong nước. Vì không có chủ lực trong nước, nên bơm phồng những con số kháng chiến quân, những mật khu ảo, nay bốc tên người này mai bốc tên người khác, dương đông kích tây hòng phát triển tổ chức đảng phái mà mục tiêu đặc quyền là đích nhắm. Có khi dựa hơi vào những người bất mãn thuộc phe Mặt trận Giải phóng miền Nam cũ, hoặc cựu đảng viên Cộng sản bất bình… Bắn bừa lên truyền thông hàng loạt tên những người không chân đứng, không thế lực, miễn những người này chịu nhắc tới hai chữ “dân chủ”, “nhân quyền”. Bất cần quan điểm “dân chủ”, “nhân quyền” của những người này có phù hợp với tiêu chí dân chủ của thế giới tiến bộ hay không. Họ chỉ vụ tuyên truyền ồn động nhằm phát triển đảng hay tổ chức họ, mặt khác chứng minh cho dư luận là “có một phong trào dân chủ” tại Việt Nam ; trong khi bất lực việc tổ chức cơ sở quốc nội hay đoàn ngũ hóa quần chúng ; dù đằng sau tên các người họ đề cao có lực lượng hay không, được tổ chức ra sao, dân chủ kiểu nào. Thử nhìn vào mấy tên tuổi được biết, rồi đọc bài hay phát biểu tất thấy quan điểm “dân chủ” của những người này thay đổi mỗi sáu tháng, như trường hợp các ông Trần Độ, Bùi Tín, v.v…

Cung cách hoạt động ăn xổi như thế không đưa tới *giải pháp thay thế* mà tuyệt đại đa số dân Việt trông đợi. Nhìn cách cư xử “đem con bỏ chợ” đối với đoàn viên của họ khi những người này bị bắt là biết ngay tính cách hoạt đầu. Khi đoàn viên họ bị bắt trong nước, chẳng có cơ sở thăm nuôi, bênh vực. Đến khi được trả tự do thì những “chiến sĩ dân chủ” hay “kháng chiến quân” ồn ào trước kia bỗng im bặt, ngưng luôn mọi hoạt động.

Chân nhận tính chất hoạt động không tương lai như thế, tôi thấy cần giúp đỡ và phát triển những cơ sở thực hữu trong nước, mà Phật giáo là một. Dù tình trạng quốc nội còn khá nguy nan. Các đảng phái quốc gia mất chân đứng, lãnh tụ nằm tù hoặc chạy ra nước ngoài. Quần chúng đảng phái bị siết cổ trong ba gọng kìm Cộng sản : ***chủ nghĩa lý lịch, công an khu vực và hộ khẩu.*** Ngoài đảng Cộng sản, đảng lớn nhất với số lượng đảng viên gần ba triệu, chỉ còn lại các tôn giáo như những xã hội dân sự còn sống sót. Phật giáo, Công giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành… là những xã hội dân sự tồn tại dưới chế độ độc tài toàn trị. Nội hàm các tôn giáo đặt trọng tâm con người, nên nỗ lực thường xuyên bảo vệ con người trong nguồn sống tâm linh. Có thể nói quần chúng dân tộc hiện nay là quần chúng các tôn giáo, tiêu biểu là Phật giáo, đối đầu với thiểu số quần chúng tha hóa vì vọng ngoại là đảng viên Đảng Cộng sản.

Muốn thay đổi thực trạng Việt Nam phải dựa vào quần chúng dân tộc. Không thể dựa vào các tổ chức ảo, sống bằng mộng ước xa rời thực tại, đang bị cắt lìa tổ quốc, hoặc hoạt động như con bài chờ thời, chờ ngoại bang dẫn dắc hay chờ Cộng sản thí ghế.

Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu tại Saigon ngày 11.6.1963 trong cuộc đấu tranh chống kỳ thị tôn giáo dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ngọn Đuốc Sáng Phương Đông làm thức tỉnh lương tri nhân loại về yếu tính tự do của con người giữa thời đại thế giới phân tranh lưỡng cực.

Do thiếu hiểu biết về các tôn giáo khác, bản thân tôi theo đạo Phật và có liên hệ với giáo hội từ thập niên 40, tôi chọn xã hội dân sự Phật giáo thông qua Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất để vừa bảo vệ Phật giáo trước sức tiến công tiêu diệt Phật giáo của chủ nghĩa Hư vô cộng sản, vừa đẩy mạnh tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. Nếu tôi là người Công giáo, Hòa Hảo, Cao Đài… tôi cũng sẽ chọn lựa con đường tôn giáo tôi theo như thế. Nhưng điểm hẹn tối hậu và cuối cùng vẫn là Việt Nam - dân tộc Việt Nam.

---

(4) Công án, nghĩa đen là án lệ do quan lại phán quyết. Trong thiền học gọi chung sự kiện khi dùng một chữ, một câu nói cho người học đạo tham cứu gọi là “thoại đầu”. Ví dụ hỏi “Con chó có tính Phật không ?” Trả lời : “Không !” hoặc “Có !”. Đối thoại như thế gọi là một tắc công án. Xưa nay có khoảng năm trăm Công án thường dùng trong số gần hai nghìn công án. Công án không thể đem luận lý mà giải thích, vì tinh thần Thiền

siêu việt nói năng, ngôn ngữ, suy tư. Dùng cái *Phi luận lý tính* để khơi dậy trực giác tiềm ẩn trong vô thức giúp người học đạo thể chứng chân tính.

Nội dung Công án làm công cụ cho sự ngộ Thiền, làm phương pháp khảo nghiệm, làm vật tin cho sự ấn chứng và tiêu điểm giác ngộ. Công án là đối tượng để suy xét, trích từ lời nói và việc làm của các bậc cao tăng làm kim chỉ nam cho người tu thiền. Các sách Công án quan trọng gồm có Bích Nham lục, Vô môn quan, Chính pháp nhãn tạng, Cảnh đức truyền đăng lục, v.v...

(5) Ngũ minh (Pañca vidyâ-sthânâni) là 5 môn học gồm Thanh minh (môn học ngôn ngữ, văn chương), Công xảo minh (môn học công nghệ, kỹ thuật, lịch toán), Y phương minh (môn học y dược), Nhân minh (môn học về lý luận), và Nội minh (môn học về tông chỉ, giáo lý của phái mình).

(6) Sự tự do tư tưởng của Phật giáo bộc lộ qua câu chuyện này. Một hôm đức Phật đến thị trấn Kesaputta thuộc Vương quốc Kosala, Ấn Độ, dân trong thành được gọi là người Kâlâmas đến gặp Phật và hỏi ngài rằng : “Bạch đức Thế tôn, có nhiều ẩn sĩ và Bà La Môn đến viếng Kesaputta. Họ giảng giải và đề cao lý thuyết của họ, đồng thời lên án, bài xích lý thuyết của những người khác. Bạch Thế tôn, phần chúng con, chúng con hoang mang, hoài nghi, không biết vị nào trong các nhà ẩn sĩ và Bà Là Môn nói sự thật, vị nào nói sai quấy ? Đức Phật liền đáp :

- “Hỡi những người Kâlâmas, các người hoài nghi và hoang mang là phải, vì các vấn đề này rất đáng hoài nghi. Hỡi những người Kâlâmas, đừng để những lời thuật lại, những lời đồn hay những lời truyền thống lôi cuốn ta. Đừng để những uy quyền của kinh điển, những lý luận suông, các điều xét đoán bề ngoài, các điều thích thú với những quan niệm võ đoán, những gì có vẻ đáng tin, hay những ý nghĩ “đây là Thầy ta”, dẫn dắc ta. Nhưng hỡi những người Kâlâmas, khi nào các người tự biết mình rằng những gì đó là ác, sai, xấu, thì hãy vứt bỏ chúng. Và khi các người tự mình biết rằng những gì đó là thiện, là tốt thì hãy chấp nhận và theo chúng”.

(7) Xem thêm ***“Hồi ức và Suy nghĩ”*** của ông Trần Quang Cơ, Thứ trưởng ngoại giao Hà Nội, tr. 16-17 : “Với tư cách là Vụ trưởng Vụ Bắc Mỹ Bộ Ngoại giao, trực tiếp tham gia phái đoàn đàm phán về bình thường hóa quan hệ với Mỹ ở Pa-ri năm 1977 rồi ở Nữu Ước năm 1978, tôi thật sự đau xót vì ta đã bỏ lỡ mất cơ hội củng cố thế đứng của Việt Nam trong hòa bình để tập trung phát triển đất nước sau bao năm chiến tranh, lỡ cơ hội san bằng khoảng cách với các nước cùng khu vực. Trong tập hồi ký của mình “From Third World to First”, Lý Quang Diệu đã nhận xét : ”Năm 1975 thành phố Hồ Chí Minh có thể sánh ngang với Băng-cốc. Nhưng nay (năm 1992) nó tụt lại đằng sau tới hơn 20 năm”. Việc ta từ chối lời đề nghị “bình thường hóa quan hệ không điều kiện” của Mỹ, làm cao trước việc ASEAN ngỏ ý muốn Việt Nam tham gia tổ chức khu vực này, theo tôi, đã đưa lại những hệ quả vô cùng tai hại cho nhân dân và đất nước ta. Liệu

Trung quốc có dám tiếp tay cho bọn diệt chủng Polpot khiêu khích ta và có dám đánh ta năm 1979 nếu như Việt Nam sau Chiến thắng 1975 có một chiến lược "thêm bạn – bớt thù" thực sự cầu thị hơn ? Việc bình thường hóa với Mỹ và việc gia nhập khối ASEAN mãi ngót 20 năm sau (1995) ta mới thực hiện được một cách khá chật vật. (...) Việc ta bỏ lỡ cơ hội bình thường hóa quan hệ với Mỹ lúc này đã khiến Việt Nam gần như đơn độc trước một Trung quốc đầy tham vọng".

(8) ***Ông Cố Vấn – Hồ sơ một Điệp viên***, Hữu Mai, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội 1989, 3 tập :

- Xem tư liệu gốc *facsimile* cạnh trang 17, tập 2, về Vũ Ngọc Nhạ và Hồng y Spellman trao đổi việc chọn Thủ tướng cho VNCH và Tổng thống Thiệu viết thư tay cám ơn Vũ Ngọc Nhạ đã liên lạc các Linh mục và bạn Mỹ để giúp ông Thiệu ;

- Xem *facsimile* cạnh trang 32, tập 2, thư Tổng thống Thiệu giới thiệu Huỳnh Văn Trọng, Phụ tá Tổng thống, sang Mỹ vận động cho VNCH (sic) ;

- Xem *facsimile* cạnh trang 33, tập 2, hai bức thư của cựu Cố vấn Tổng thống Tưởng Giới Thạch và Tổng thống Ngô Đình Diệm, và William Colby, Giám đốc CIA ở Saigon, gửi Cố vấn Vũ Ngọc Nhạ và Huỳnh Văn Trọng năm 1968 ;

Cuối tháng 11.1069 báo chí tại Saigon tường thuật chi tiết việc Toà án Quân sự Mặt trận xử vụ Vũ Ngọc Nhạ gọi là ***"Vụ Tình báo chiến lược Cộng sản"*** (tức Cụm tình báo A.22), đặc biệt là những công chức cao cấp VNCH như Vũ Ngọc Nhạ (người thân tín của Đức Cha Lê Hữu Từ, Linh mục Hoàng Quỳnh), Huỳnh Văn Trọng, Lê Hữu Thuý, Nguyễn Xuân Hoè, Vũ Hữu Ruật, v.v... Báo Đồng Nai ngày 29.11.1969 viết tít lớn ngay trang đầu : ***"Uỷ viên Chánh phủ buộc tội Vũ Ngọc Nhạ cố ý cài Huỳnh Văn Trọng đi Mỹ để khích động Phong trào Phản chiến tại Hoa Kỳ".***

(9) ***Shadows and Wind*** A View of Modern Vietnam, Robert Templer, Penguin, 1997, (The Unified Buddhist Church of Vietnam has become a major irritant for the government, mostly because of a Paris-based organisation run by Vo Van Ai, an indefatigable and noisy advocate for religious and human rights in Vietnam. The mere mention of Vo Van Ais name sends officials in Hanoi into spasms of rage because of the way he has been able to keep the issue of the Buddhists on the agenda at international meetings on human rights. (*ibid.*, p. 281).